

Số: /UBND
Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng
ký môi trường của Chi
nhánh Đồng Nai Công ty
TNHH Taeyang Việt Nam.

Phước Thiên, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngày 18/4/2025, UBND xã Phước Thiên đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam cho dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm)”, địa điểm thực hiện dự án tại Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở UBND xã, gồm có:

- Văn bản đăng ký môi trường cho dự án cho dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm)” số 01/ĐKMT-TAEYANG ngày 12/03/2025 của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam (36 trang)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/5/2018, do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp (bản photo không có chứng thực).

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Mã số địa điểm kinh doanh 00001 cấp ngày 06/06/2018 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp (bản photo không có chứng thực).

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Mã số chi nhánh:

0900182899 – 001, đăng ký lần đầu ngày 16/05/2018 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp (bản photo không có chứng thực).

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 1068155287, chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 25/7/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 18/10/2018 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp (bản photo không có chứng thực).

- Hợp đồng thuê lại đất số 97/CT-ĐT ngày 31/8/2018 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO với Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương chứng nhận ngày 25/9/2018, số công chứng 5438, Quyền số 6 TP/CC-SCC/HĐGD (bản photo không có chứng thực).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 360456 được UBND tỉnh Đồng Nai - TUQ Chủ tịch - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/01/2019, thửa đất số 17 tờ bản đồ số 41 xã Phước Thiện, diện tích 28748 m² (bản photo không có chứng thực).

- Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO với Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn (bản photo không có chứng thực).

- Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải số 96/CT-ĐT ngày 10/9/2009 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO với Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn (bản photo không có chứng thực).

- Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai v/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hoá và sơn phủ)” của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam tại Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (bản photo không có chứng thực).

- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, Mã số QLCTNH: 75.000572.T (cấp lần 3) số 219/SĐK-CCBVM do Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/7/2014 cho công ty TNHH Taeyang Sài Gòn (bản photo không có chứng thực).

- Giấy phép môi trường số 169/GPMT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép ngày 30/5/2023 cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (bản photo không có chứng thực).

- Hợp đồng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải số

134/2024/HĐXLCT/MTS.K-TY ngày 15/4/2024 giữa Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam và Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam (bản photo không có chứng thực).

- Hợp đồng không ghi thời gian về việc thu gom rác thải giữa Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam và Công ty TNHH Huy Hoàng Hiệp (bản photo không có chứng thực).

- Hợp đồng kinh tế số 2024-02/HĐKT/TYVN-KT, số 2024-01/HĐKT/TYVN-KT ngày 01/10/2024 giữa Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam và Công ty Cổ phần môi trường Kim Thành (bản photo không có chứng thực).

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể công ty, Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải CS 30 m³/ngày đêm, Bản vẽ mặt bằng bố trí thiết bị, (bản photocopy)

Sau khi tiếp nhận, UBND xã Phước Thiện có ý kiến như sau:

UBND xã Phước Thiện đề nghị Chủ đầu tư, chủ cơ sở thực hiện dự án đúng và đảm bảo nội dung báo cáo trong hồ sơ đăng ký môi trường và đồng thời chịu trách nhiệm các nội dung trình bày cung cấp trong hồ sơ. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

Trên đây là ý kiến của UBND xã Phước Thiện về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam. UBND xã Phước Thiện thông báo để Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phú Thọ

**CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH
TAEYANG VIỆT NAM**



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘ ĐỒ DÙNG BÀN
ĂN, BỘ ĐỒ DÙNG NHÀ BẾP BẰNG THÉP
KHÔNG GỈ, CÔNG SUẤT 22.000.000 SẢN
PHẨM/ NĂM (TƯƠNG ĐƯƠNG 4.000 TẤN
SẢN PHẨM/ NĂM)**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG SỐ 2, KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I,
XÃ PHƯỚC THIÊN, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Đồng Nai, năm 2025

**CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH
TAEYANG VIỆT NAM**



**ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN**

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘ ĐỒ DÙNG BÀN
ĂN, BỘ ĐỒ DÙNG NHÀ BẾP BẰNG THÉP
KHÔNG GỈ, CÔNG SUẤT 22.000.000 SẢN
PHẨM/ NĂM (TƯƠNG ĐƯƠNG 4.000 TẤN
SẢN PHẨM/ NĂM)**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG SỐ 2, KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I,
XÃ PHƯỚC THIÊN, HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

CHỦ DỰ ÁN

**CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY
TNHH TAEYANG VIỆT NAM**



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature of Kim TaeHyun]

KIM TAEHYUN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT
THẮNG PHÁT**



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature of Nguyễn Văn Lợi]

NGUYỄN VĂN LỢI

Đồng Nai, năm 2025

MỤC LỤC

1. Thông tin về Dự án.....	2
1.1. Tên Dự án.....	2
1.2. Địa điểm thực hiện Dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện:	2
1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất:.....	5
2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất sử dụng và các sản phẩm của Dự án	10
2.1. Nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng của Dự án	11
2.2. Sản phẩm của Dự án.....	17
3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Dự án	17
3.1. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh tại Dự án	17
3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh.....	18
3.3. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	20
3.4. Loại và khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại dự kiến phát sinh.	21
3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	21
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của Dự án	23
4.1. Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải	23
4.2. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, khí thải.....	32
4.3. Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	34
4.5. Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải nguy hại	35
5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường	35

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tọa độ địa lý khu đất Dự án	2
Bảng 1. Hạng mục công trình tại Dự án.....	5
Bảng 2: Công suất hoạt động của Dự án:.....	6
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước năm 2024 tại Công ty	12
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước và nước thải thực tế và dự kiến khi đạt công suất tối đa tại nhà máy	13
Bảng 5. Nguyên liệu sử dụng của Dự án.....	14
Bảng 6. Đặc tính hóa chất sử dụng cho dự án.....	15
Bảng 7. Danh mục máy móc, thiết bị.....	16
Bảng 8. Danh mục sản phẩm và sản lượng.....	17
Bảng 9. Tổng hợp lượng nước thải lớn nhất của Dự án.....	17
Bảng 10. Thành phần và tính chất của dầu DO	19
Bảng 11. Tải lượng chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện.....	20
Bảng 12. Thành phần và khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án	20
Bảng 13. Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường	21
Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại của Dự án.....	22
Bảng 13. Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải, công suất 30 m ³ /ngày.đêm	30
Bảng 14. Danh mục các thiết bị sử dụng trong HTXL nước thải	31

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Vị trí địa lý của Dự án.....	3
Hình 2: Khoảng cách tới các đối tượng xung quanh.....	3
Hình 3 . Quy trình công nghệ sản xuất.....	7
Hình 4. Quy trình đánh bóng điện hoá	9
Hình 5 . Quy trình thu gom nước mưa	24
Hình 6 . Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Dự án.....	24
Hình 7. Bể tự hoại kết hợp lắng, lọc và sơ đồ hoạt động của bể tự hoại	25
Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sản xuất	27
Hình 9. Quy trình xử lý nước thải, công suất 30 m ³ /ngày.đêm	28

- Điện thoại: 02513.569862

Fax: 02513.569825

Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam Đăng ký môi trường cho Dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/ năm (tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm)” với các nội dung sau:

1. Thông tin về Dự án

1.1. Tên Dự án

“Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/ năm (tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm)”.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện:

- Địa điểm thực hiện Dự án : Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

*** Các hướng tiếp giáp:**

- Phía Đông giáp: Công ty Cổ phần đầu tư Công Nghiệp Việt Hoàng
- Phía Nam giáp: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I
- Phía Bắc giáp: Công ty TNHH Posco VST
- Phía Tây: Phòng Cảnh sát PCCC Nhơn Trạch

*** Tọa độ địa lý khu đất Dự án:**

Bảng 1: Tọa độ địa lý khu đất Dự án

Ký hiệu mốc ranh giới	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 45, múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1188376,89	409968,96
2	1188231,68	410003,20
3	1188188,41	409815,71
4	1188334,04	409781,37



Hình 1: Vị trí địa lý của Dự án



Hình 2: Khoảng cách tới các đối tượng xung quanh

❖ **Khoảng cách tới các đối tượng xung quanh:** Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng kinh tế - xã hội như sau:

- Về giao thông: Dự án nằm trong Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, phía Nam giáp đường số 2 của KCN. Dự án cách đường ĐT769 khoảng 1,5km về hướng Bắc; cách quốc lộ 51 khoảng 5km về hướng Đông.

- Trường học: Dự án cách Trường tiểu học Hiệp Phước khoảng 1,95km về hướng Đông.

- Chợ: Dự án cách chợ Bến Cam khoảng 1,48km về hướng Bắc; cách chợ Hiệp Phước khoảng 2km về hướng Đông Nam.

- Về tính ngưỡng, tôn giáo: Dự án cách giáo xứ Mỹ Hội khoảng 2,45km; cách chùa Quang Mỹ khoảng 2,05km; cách chùa Phú Quang khoảng 2,32km về hướng Tây Bắc.

- Dự án cách bưu điện Phước Thiên khoảng 1,92km về hướng Đông Bắc; cách UBND xã Phú Hội khoảng 2,75km về hướng Tây.

- **Nguồn vốn:** là 214.680.000.000 (hai trăm mười bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 2.000.000 USD (hai triệu) đô la Mỹ.

- **Quy mô Dự án** (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm B.

- **Số lượng lao động:** 23 người.

- Cơ sở pháp lý của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam:

+ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh: 0900182899-001 Đăng ký lần đầu ngày 16/05/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1068155287, chứng nhận lần đầu ngày 22/05/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 24/01/2024 do Ban quản lý Các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

+ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 969/QĐ.UBND ngày 28/03/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai đối với dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ dùng nhà bếp, bàn ăn bằng thép không gỉ, công suất 4.000 tấn/năm” tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

+ Văn bản số 1891/STNMT-CCBVM ngày 20/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thay đổi chủ dự án “Nhà máy sản xuất đồ dùng nhà bếp, bàn ăn

bằng thép không gỉ” tại KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/ năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ)” của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam tại Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai số: 402/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp.

+ Hợp đồng thuê lại đất số 97/CT-ĐT ngày 31/8/2018 giữa Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam số CP 360456 tờ bản đồ số 41 thửa đất số 17 tại xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất:

*** Quy mô, công suất:**

- Tổng vốn đầu tư: 214.680.000.000 (hai trăm mười bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 2.000.000 USD (hai triệu) đô la Mỹ. Căn cứ theo khoản 4 điều 10 của Luật Đầu tư công thì Dự án thuộc nhóm B.

- Quy mô diện tích: Tổng diện tích Dự án là 28.748 m² theo Hợp đồng thuê lại đất số 97/CT-ĐT ngày 31/8/2018 giữa Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

- Các hạng mục công trình tại Dự án được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1. Hạng mục công trình tại Dự án

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Hạng mục công trình chính	14.865,17	51,71	
1	Nhà xưởng chính	6.000	20,87	
2	Nhà xưởng/ kho 2	5.000	17,39	
3	Nhà xưởng/ kho 3	3.000	10,44	
4	Nhà xưởng/ kho 4	865,17	3,01	
II	Hạng mục công trình phụ trợ	1.509,40	5,25	
5	Nhà bảo vệ	46	0,16	

Đăng ký môi trường

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
6	Nhà văn phòng	260,4	0,91	
7	Nhà ăn	384	1,34	
8	Nhà để xe	420	1,46	
9	Nhà vệ sinh	72	0,25	
10	Xưởng cơ khí	60	0,21	
11	Nhà đặt máy nén khí	65	0,23	
12	Bể nước PCCC	90	0,31	
13	Nhà kho	50	0,17	
14	Trạm điện 1	48	0,17	
15	Trạm điện 2	14	0,05	
III	Hạng mục công trình môi trường	205	0,71	
16	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	820,3m	-	
17	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	321,5m	-	
18	HTXL nước thải	105	0,21	
19	Khu lưu giữ chất thải rắn	100	0,35	
IV	Diện tích cây xanh, đất trống	5.749,60	20,00	
V	Diện tích sân đường nội bộ	6.418,83	22,33	
	Tổng	28.748,00	100,00	

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

- Quy mô công suất: Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/ năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/ năm tại Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Bảng 2: Công suất hoạt động của Dự án:

STT	Sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)	Khối lượng quy đổi (kg/sản phẩm) (*)	Công suất (tấn sản phẩm/năm)
1	Khay, hộp đựng đồ ăn	16.000.000	0,1	1.600
2	Nồi các loại	4000.000	0,3	1.200
3	Chảo các loại	2.000.000	0,6	1.200
	Tổng	22.000.000		4.000

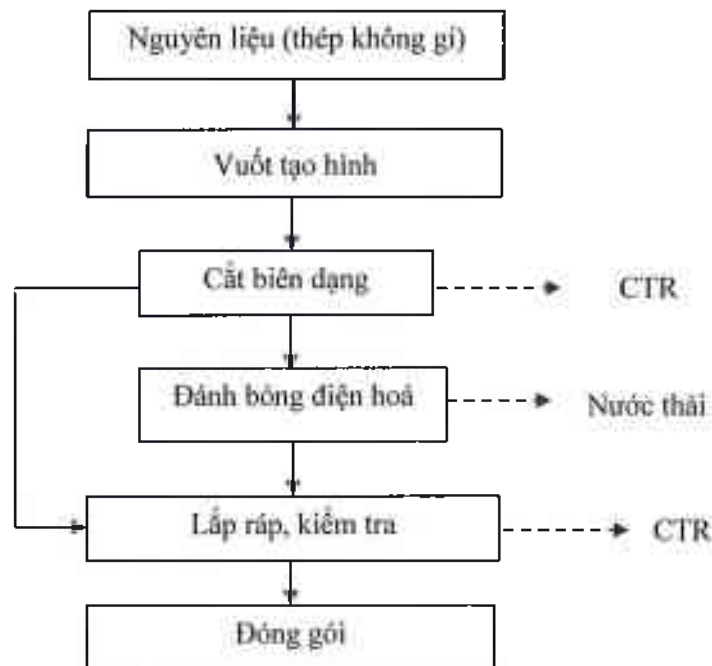
Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

* **Loại hình hoạt động của Dự án :** Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ

* **Công nghệ của Dự án :**

↓ Quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thể hiện bằng sơ đồ sau:



Hình 3 . Quy trình công nghệ sản xuất

Nguyên liệu (thép không gỉ dạng tấm) được nhập về Nhà máy, tùy theo nhu cầu của khách hàng sẽ chọn độ dày của nguyên liệu thích hợp (Inox 201, Inox 304, Inox 316, Inox 430). Nguyên liệu sẽ được cho vào máy dập để vuốt tạo hình sản phẩm.

Sau công đoạn vuốt tạo hình tiếp tục được đưa vào khuôn, dưới sức nặng của máy những phần cạnh biên thừa ra sẽ được cắt bỏ.

- Đối với đơn đặt hàng sản phẩm thô: chuyển sang công đoạn lắp ráp, kiểm tra.

- Đối với đơn đặt hàng cần độ sáng, bóng của sản phẩm: Sản phẩm sau công đoạn rửa được chuyển sang dây chuyền đánh bóng điện hoá để tẩy sạch dầu mỡ bám trên bề mặt, làm sáng, bóng bề mặt đồng thời có tác dụng khử vàng và chống vân tay.

Sản phẩm sau khi hoàn thiện được chuyển sang bộ phận kiểm tra. Tại đây, công nhân sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm, sau đó lắp ráp các bộ phận với nhau (lắp ráp nắp với thân sản phẩm), những thành phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu được đóng gói vào các thùng chuyên dụng sau đó nhập kho để xuất cho khách hàng.

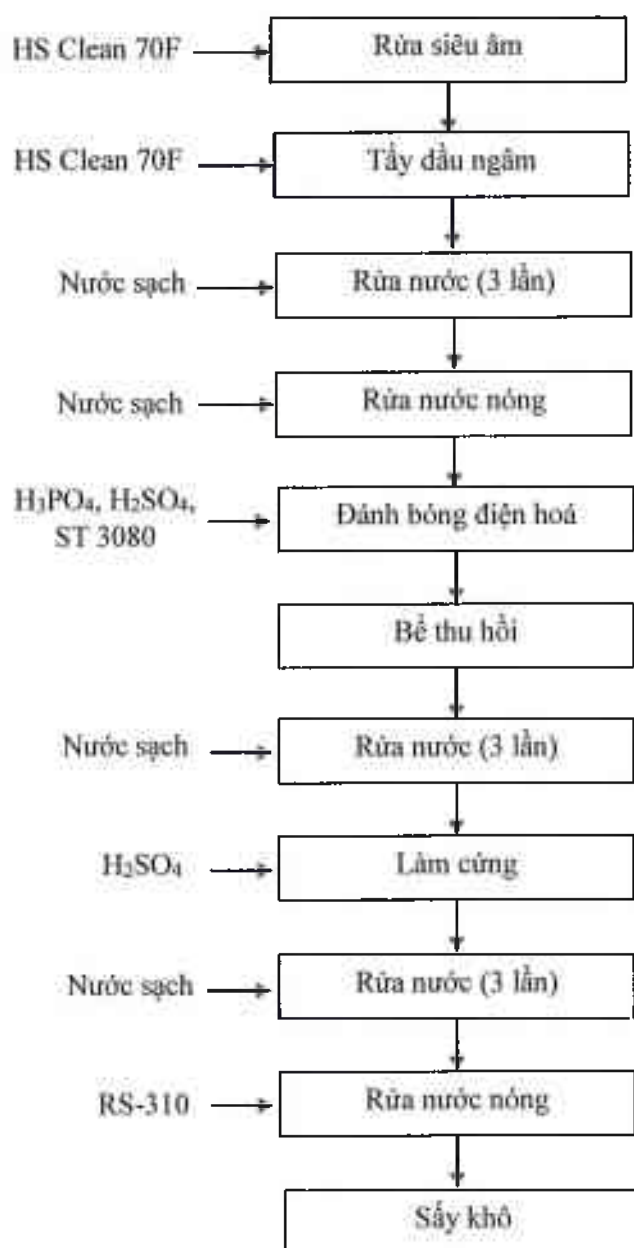
Quy trình hoạt động của dây chuyền đánh bóng điện hoá và dây chuyền sơn được thể hiện chi tiết như sau:

↓ Quy trình đánh bóng điện hoá:

- Đánh bóng điện hoá là quá trình kết hợp dòng điện và hoá chất để xử lý làm sáng, bóng bề mặt inox. Dung dịch để đánh bóng điện hoá là hỗn hợp các acid mạnh và phụ gia có độ điện ly cao. Nước sử dụng cho dây chuyền đánh bóng điện hoá là nước tinh khiết.

- Cách thức thực hiện: Quy trình được thực hiện theo phương thức bán tự động.

- Dây chuyền đánh bóng điện hoá áp dụng trong dự án được thực hiện qua các bước như sau



Hình 4. Quy trình đánh bóng điện hoá

*** Thuyết minh quy trình:**

Quy trình đánh bóng điện hoá được thực hiện qua các bước khác nhau với nhiều hoá chất khác nhau, cụ thể:

Bước 1: Rửa siêu âm: Sản phẩm cần đánh bóng điện hoá được nhúng vào bể rửa siêu âm có chứa hoá chất HS Clean 70F, sau đó đưa sóng siêu âm vào bể, dưới tác dụng của sóng siêu âm, dung dịch rửa lúc thì bị ép lại đặc hơn, lúc thì bị dẫn ra

loãng hơn sẽ sinh ra nhiều bọt khí đánh lên bề mặt sản phẩm giúp tẩy sạch các vết bẩn bám trên bề mặt.

Bước 2: Tẩy dầu ngâm: Sản phẩm sau khi rửa siêu âm sẽ được đưa qua bể tẩy dầu ngâm. Tại đây, tiếp tục châm hoá chất HS Clean 70F bằng bơm định lượng hóa chất, có tính kiềm khá mạnh, giúp tẩy bỏ lớp dầu mỡ bám trên bề mặt inox do quá trình gia công chi tiết để đảm bảo inox trước khi vào bể điện hoá phải sạch dầu mỡ và đạt điều kiện để đánh bóng điện hoá.

Bước 3: Bể nước: Sản phẩm sau khi qua bể tẩy dầu ngâm được đưa qua 03 bể chứa nước sạch nhằm loại bỏ bụi bẩn và tồn dư hoá chất do tẩy dầu mỡ.

Bước 4: Bể nước nóng: Giúp loại bỏ các tồn dư hoá chất không tẩy rửa được ở nhiệt độ thường.

Bước 5: Đánh bóng điện hoá: Sản phẩm sau khi được làm sạch được nhúng vào bể đánh bóng điện hoá có chứa dung dịch (H_3PO_4 65%, H_2SO_4 25% và phụ gia ST 3080 10%) – là hỗn hợp kết hợp giữa acid mạnh và phụ gia bóng để tạo thành dung dịch có độ điện ly cao kết hợp với dòng điện đi qua dung dịch nhằm tạo khả năng tẩy hoá bề mặt tốt, làm bóng sáng inox.

Bước 6: Sản phẩm qua bể đánh bóng điện hoá được đưa vào bể thu hồi, dung dịch được thu hồi lại đưa về bể đánh bóng điện hoá, phần sản phẩm đã khô được đưa về bể rửa nước.

Bước 7: Bể nước: Sản phẩm tiếp tục được đưa qua 03 bể chứa nước sạch nhằm tẩy sạch dung dịch đánh bóng điện hoá.

Bước 8: Làm cứng: Sản phẩm được đưa vào bể làm cứng có chứa dung dịch H_2SO_4 20% nhằm làm cứng bề mặt lớp đánh bóng điện hoá giúp tăng độ bền bề mặt, hạn chế dấu vân tay và chống vàng ố bề mặt sản phẩm; giúp ngăn ngừa, ức chế quá trình ăn mòn sau khi đã tẩy rửa sạch bề mặt kim loại.

Bước 9: Bể nước: Sản phẩm tiếp tục được đưa qua 03 bể chứa nước sạch nhằm tẩy sạch dung dịch làm cứng.

Bước 10: Bể nước nóng: Giúp loại bỏ các hoá chất tồn dư không tẩy rửa được ở nhiệt độ thường.

Bước 11: Sấy khô: Sản phẩm sau khi qua các bể được sấy khô tự nhiên giúp làm tăng khả năng thoát nước trên sản phẩm, tránh nước nhiễm vào sản phẩm.

2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất sử dụng và các sản phẩm của Dự án

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

2.1. Nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng của Dự án .

*** Nhu cầu sử dụng điện**

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của Dự án được lấy từ mạng lưới điện quốc gia thông qua mạng lưới cấp điện do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO cung cấp.

Theo hóa đơn sử dụng điện trong mười tháng năm 2024, nhu cầu sử dụng điện năng tại Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 1. Nhu cầu sử dụng điện năng năm 2024 tại Công ty

STT	Tháng	Đơn vị tính	Lượng điện sử dụng
1	Tháng 1/2024	kWh/tháng	159.028
2	Tháng 2/2024	kWh/tháng	72.760
3	Tháng 3/2024	kWh/tháng	107.246
4	Tháng 4/2024	kWh/tháng	122.373
5	Tháng 5/2024	kWh/tháng	121.755
6	Tháng 6/2024	kWh/tháng	165.831
7	Tháng 7/2024	kWh/tháng	138.755
8	Tháng 8/2024	kWh/tháng	102.890
9	Tháng 9/2024	kWh/tháng	107.844
10	Tháng 10/2024	kWh/tháng	145.395
11	Tháng 11/2024	kWh/tháng	128.850
12	Tháng 12/2024	kWh/tháng	***
Trung bình (kWh/tháng)			124.793

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam).

Lượng điện tiêu thụ tại nhà máy chủ yếu được sử dụng cho các mục đích sau:

- Sản xuất (hoạt động của máy móc, thiết bị).
- Sinh hoạt (thắp sáng nhà xưởng, khuôn viên).
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải.

*** Nhu cầu lao động**

Số lượng công nhân tại Dự án : khoảng 23 người.

*** Nhu cầu sử dụng nước và nước thải phát sinh tại Dự án**

• Nguồn cung cấp nước:

Công ty sử dụng nước cấp do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO cung cấp cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại Dự án.

• Nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải phát sinh hiện tại:

Nước cấp cho nhà máy hiện tại được sử dụng chủ yếu cho các mục đích sau: nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất, vệ sinh nhà xưởng và tưới cây.

Lưu lượng nước sử dụng của Công ty hiện hữu theo hoá đơn sử dụng nước trong năm 2024 như sau:

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước năm 2024 tại Công ty

STT	Tháng	Đơn vị tính	Lượng nước sử dụng
1	Tháng 1/2024	m ³	3.642
2	Tháng 2/2024	m ³	3.481
3	Tháng 3/2024	m ³	2.892
4	Tháng 4/2024	m ³	3.472
5	Tháng 5/2024	m ³	4.130
6	Tháng 6/2024	m ³	1.670
7	Tháng 7/2024	m ³	3.469
8	Tháng 8/2024	m ³	2.827
9	Tháng 9/2024	m ³	2.881
10	Tháng 10/2024	m ³	2.769
11	Tháng 11/2024	m ³	4.167
12	Tháng 12/2024	m ³	-
Trung bình (m ³ /tháng)			3.218,18
Trung bình (m ³ /ngày)			107,3

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam).

Lượng nước sử dụng trung bình trong 01 tháng là 3.218,18 m³/tháng \approx 107 m³/ngày.đêm với các mục đích sử dụng nước như sau:

- *Nước cho sinh hoạt:* Nhu cầu cần sử dụng nước chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên vệ sinh cá nhân (rửa tay, vệ sinh...); nhà ăn,... Số lượng lao động tại Công ty là 23 người, lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt thực tế tại nhà máy khoảng 3 m³/ngày.đêm.

- Nước sử dụng cho sản xuất:

+ Nước sử dụng cho dây chuyền đánh bóng điện hóa: Khoảng 90 m³/ngày.đêm

+ Nước cấp cho HTXLNT: Khoảng 2 m³/ngày.đêm.

- Nước tưới cây xanh, thảm cỏ: Khoảng 12 m³/ngày.đêm.

- Nước cấp cho PCCC : Khoảng 1 m³/ngày.đêm.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải phát sinh tại Dự án được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước và nước thải thực tế và dự kiến khi đạt công suất tối đa tại nhà máy

STT	Mục đích sử dụng nước	Nước sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú	
I	Nước dùng cho sinh hoạt	3	3	100% lượng nước sử dụng	
II	Nước dùng cho sản xuất				
1	Nước dùng cho đoạn đánh bóng hóa	90	Giai đoạn lọc nước RO	63	70% lượng nước sử dụng
			Giai đoạn đánh bóng điện hóa	21,6	80% lượng nước sử dụng
2	Nước cấp cho HTXLNT	2	2	100% lượng nước sử dụng	
III	Nước cấp cho PCCC	1	-	Không phát thải	
IV	Nước dùng cho tưới cây, tưới đường	11	-	Không phát thải	
Tổng	Tổng	107	89,6		

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

*** Nhu cầu về nguyên, nhiên, vật liệu:**

Danh mục nguyên vật liệu và hóa chất sử dụng trung bình năm của Dự án trong điều kiện sản xuất ổn định như bảng sau:

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

Bảng 5. Nguyên liệu sử dụng của Dự án

TT	Tên nguyên, vật liệu, hoá chất sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng nguyên liệu, hóa chất sử dụng tại dự án
I	Nguyên, vật liệu sử dụng	Kg/năm	
1	Inox 201	kg/năm	16.489
2	Inox 304	kg/năm	97.029
3	Inox 316	kg/năm	-
4	Inox 430	kg/năm	1.063.416
5	Bao bì đóng gói	kg/năm	-
6	Cát	kg/năm	1.000
II	Hoá chất sử dụng trong sản xuất	kg/năm	
1	Dầu gia công cơ khí (200L/phuy)	kg/năm	950
2	Clean 70F	kg/năm	2.400
3	H ₃ PO ₄	kg/năm	22.750
4	H ₂ SO ₄	kg/năm	10.500
5	ST3080 (Ethylen Glycol)	kg/năm	1.440
III	Hoá chất sử dụng trong công trình bảo vệ môi trường	kg/năm	
1	NaHSO ₃	kg/năm	-
2	NaOH	kg/năm	7.500
3	PAC	kg/năm	1.500
4	Polymer	kg/năm	1.500
5	H ₂ SO ₄	kg/năm	-
6	Hạt nhựa trao đổi ion	kg/năm	-
IV	Nhiên liệu sử dụng	kg/năm	
1	Dầu DO	lít/năm	800

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

Ghi chú:

- Nguyên liệu: Nguyên liệu sử dụng tại nhà máy là dạng thép tấm nguyên sinh được nhập về từ các nguồn trong nước. Tùy vào loại sản phẩm sản xuất (khay đựng

đồ, nồi, chảo,...) và yêu cầu của khách hàng nên sử dụng các loại nguyên liệu với độ dày khác nhau.

Thành phần chính của thép sử dụng được thể hiện trong bảng sau:

Thành phần	Tỷ lệ (%)			
	Inox 201	Inox 304	Inox 316	Inox 430
Crom	16,0	18,0	16,0	16,0
Niken	5,0	8,0	10,0	-
Mangan	5,5	2,0	2,0	1,0
Carbon	0,15	0,08	0,06	0,03

(Nguồn: Công ty Thép Thành Đạt)

Thành phần, tính chất một số loại hóa chất đặc trưng sử dụng cho dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6. Đặc tính hóa chất sử dụng cho dự án

TT	Tên thường gọi	Tên thương mại	CTHH	Thuộc tính	Độc tính
1	Clean 70F	-	-	Dạng bột, dễ hoà tan trong nước, có tính kiềm khá mạnh	Có tính kiềm khá mạnh nên dễ gây ăn mòn da, gây kích ứng da, có thể dẫn đến bỏng da.
2	Acid Phosphoric	Acid Phosphoric	H ₃ PO ₄	Chất lỏng, trong suốt, không mùi, vị chua, có độ nhớt	Là acid mạnh nên khi tiếp xúc có thể gây cay mắt, bỏng da, ăn mòn da
3	Acid Sulfuric	Sulfuric Acid	H ₂ SO ₄	Chất lỏng, không màu, không mùi, không bay hơi	Gây bỏng da, hồng mắt, tính ăn mòn cao, gây tử vong nếu hít phải, có nguy cơ gây ung thư
4	ST3080	Ethylen Glycol	C ₂ H ₆ O ₂	Chất lỏng trong suốt, không màu, không mùi, có thể hoà tan trong nước, tan trong hầu hết dung môi hữu cơ	Có hại khi nuốt phải; Có thể gây tổn thương các cơ quan (Thận) nếu phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại do nuốt phải.
6	Natri bisulfit	Sodium Bisulphite	NaHSO ₃	Dạng rắn, màu trắng, tan được trong nước	Gây kích ứng mắt và da. Nếu hít phải có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp như ho, thờ khò khè, thờ ngắn. khi nuốt

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

Đăng ký môi trường

TT	Tên thương gọi	Tên thương mại	CTHH	Thuộc tính	Độc tính
					phải sẽ gây buồn nôn, ói mửa, tiêu chảy, đau bụng, xuất huyết dạ dày, có thể gây hen suyễn nếu tiếp xúc thời gian dài
7	Natri hydroxit	Sodium hydroxide	NaOH	Là chất rắn, màu trắng, không mùi, dễ tan trong nước	Gây ăn mòn da, gây kích thích bóng khí tiếp xúc; Có thể dẫn đến ung thư vú; Gây huỷ hoại thủy tinh thể hoặc gây mù khi tiếp xúc với mắt; Gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp, có thể gây khó thở, ngất hoặc thậm chí tử vong khi hít phải bụi xút hoặc nuốt
8	Poly Aluminium Chloride	PAC	$[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$	Dạng lỏng, màu vàng nâu hoặc dạng bột, màu vàng chanh, tan hoàn toàn trong nước và toả nhiệt	Không
9	Polymer anion	Polymer anion	-	Tồn tại ở dạng rắn và không bay hơi, có tác dụng kết dính các bông cặn lại với nhau	Không
10	Dầu gia công cơ khí	SHL PUNCH Q4T	-	Là chất lỏng trong suốt, không tan trong nước, độ nhớt cao	Gây kích ứng da nhẹ; gây tác hại đến mắt khi tiếp xúc; dễ gây cháy nổ.

*** Nhu cầu về máy móc, thiết bị**

Theo thống kê thực tế tại Công ty, danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7. Danh mục máy móc, thiết bị

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất	Nước sản xuất	Năm sản xuất, tình trạng
1	Máy đập 300T	Máy	1	37 kW	Trung quốc	2018, 95%

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

Đăng ký môi trường

2	Máy dập 200T	Máy	1	22 kW	Trung quốc	2018, 95%
5	Máy đánh bóng điện hóa	Dây chuyền	1	20kW	Nhật	2020, 100%
6	Máy rửa đánh bóng điện hóa	Máy	1	50kW	-	2018, 95%
7	Máy nén khí	Máy	2	50HP + 100HP	Hàn Quốc	-
8	Hệ thống lọc nước RO	Hệ thống	1	150 m ³ /ngày	-	-
9	Máy phát điện	Máy	1	25kVA	Nhật Bản	2018, 95%

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

2.2. Sản phẩm của Dự án

Số lượng sản phẩm của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8. Danh mục sản phẩm và sản lượng

STT	Sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)	Khối lượng quy đổi (kg/sản phẩm) (*)	Công suất (tấn sản phẩm/năm)
1	Khay, hộp đựng đồ ăn	16.000.000	0,1	1.600
2	Nồi các loại	4.000.000	0,3	1.200
3	Chảo các loại	2.000.000	0,6	1.200
Tổng		22.000.000		4.000

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Dự án

3.1. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh tại Dự án .

Tương ứng với nhu cầu dùng nước, lượng nước thải dự kiến phát sinh được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 9. Tổng hợp lượng nước thải lớn nhất của Dự án

STT	Mục đích sử dụng nước	Nước sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
I	Nước dùng cho sinh hoạt	3	3	100% lượng nước sử dụng
II	Nước dùng cho sản xuất			

STT	Mục đích sử dụng nước		Nước sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
1	Nước dùng cho công đoạn đánh bóng điện hóa	Giai đoạn lọc nước RO	90	63	70% lượng nước sử dụng
		Giai đoạn đánh bóng điện hóa		21,6	80% lượng nước sử dụng
2	Nước cấp cho HTXLNT		2	2	100% lượng nước sử dụng
III	Nước cấp cho PCCC		1	-	Không phát thải
IV	Nước dùng cho tưới cây, tưới đường		11	-	Không phát thải
Tổng	Tổng		107	89,6	

→ Vậy, lượng nước thải phát sinh của Dự án khoảng 89,6 m³/ngày.đêm. Nước thải tại Dự án Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

Nước thải sinh hoạt có chứa chủ yếu các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh khi thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước nếu không được xử lý.

Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ công đoạn đánh bóng điện hóa. Bao gồm 2 giai đoạn: Nước thải từ Giai đoạn lọc nước (nước thải từ giai đoạn này là nước trở sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của công ty) và nước thải từ quy trình đánh bóng điện hóa. Nước thải từ quy trình đánh bóng điện hóa nếu không được xử lý thì các kim loại nặng, acid,... có trong nước thải sẽ gây ức chế hoặc giết chết vi sinh vật trong quá trình xử lý vi sinh tại HTXL nước thải tập trung của KCN. Ngoài ra, hàm lượng kim loại nặng có trong nước thải sau một thời gian sẽ ngấm vào đất, nước mặt, nước ngầm và theo chuỗi thức ăn gây độc cho cơ thể sinh vật và con người.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh

Theo ĐTM đã được phê duyệt bởi Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 402/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 do Ban quản lý khu công nghiệp- UBND tỉnh Đồng Nai cấp bụi và khí thải tại nhà máy phát sinh từ các công

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

đoạn: Bụi từ công đoạn đánh bóng khô, khí thải từ hoạt động sơn, hơi hóa chất từ công đoạn đánh bóng điện hóa. Tuy nhiên từ năm 2025 nhà máy không có công đoạn đánh khô và công đoạn sơn nên công ty đã báo phế và không sử dụng nữa.

❖ **Hơi hoá chất từ công đoạn đánh bóng điện hoá**

Dung dịch đánh bóng điện hoá là hỗn hợp có độ điện ly cao gồm H_3PO_4 (chiếm 65%); H_2SO_4 (chiếm 25%) – là những axit mạnh, không bay hơi ở điều kiện thường. Quá trình đánh bóng điện hoá của dự án không gia nhiệt nên hơi axit hầu như là không phát sinh.

❖ **Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:**

Nguồn phát sinh: Các hoạt động giao thông vận tải như nhập nguyên liệu và xuất hàng trong quá trình hoạt động của nhà xưởng có thể phát sinh ra các chất như: bụi, CO, SO₂, NO,... gây ô nhiễm môi trường không khí.

Tùy thuộc vào thành phần, tính chất và nồng độ có trong môi trường không khí mà mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe con người và gây tác hại đến môi trường xung quanh khác nhau.

❖ **Khí thải từ máy phát điện dự phòng:**

Để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho nhà máy hoạt động được liên tục trong trường hợp mất điện, Dự án trang bị 01 máy phát điện dự phòng với công suất 25 KVA.

- Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu dầu DO nên khi đốt sẽ thải ra các khí gây ô nhiễm môi trường như: SO₂, NO, CO, VOC, bụi... Việc xác định được tính chất và thành phần dầu DO sẽ được ứng dụng vào việc xác định thành phần và nồng độ chất ô nhiễm trong khí đốt.

Dựa trên các hệ số tải lượng của tổ chức Y tế thế giới (WHO, 1993) ước tính lượng chất ô nhiễm thải ra trong 1 giờ của 01 máy phát điện như sau:

Bảng 10. Thành phần và tính chất của dầu DO

Stt	Chỉ tiêu – đơn vị đo	Mức quy định
1	Tỷ trọng	Max 0,870
2	Độ nhớt (Viscosity/50 °C, cSt)	Max 1,8 – 5,0
3	Hàm lượng lưu huỳnh (%)	Max 1,00
4	Hàm lượng tro (%)	Max 0,02
5	Hàm lượng nước (% vol)	Max 0,05

Stt	Chỉ tiêu – đơn vị đo	Mức quy định
6	Nhiệt độ bắt cháy cốc kín (°C)	Max 60,00

(Nguồn: Petrolimex)

Bảng 11. Tải lượng chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)	Lượng nhiên liệu sử dụng (tấn/giờ)	Tải lượng (g/giờ)
1	Bụi	0,28	0,12	34
2	SO ₂	20 x S	0,12	12
3	NO _x	2,84	0,12	341
4	CO	0,71	0,12	85

3.3. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên với thành phần gồm các chất hữu cơ như vỏ trái cây, thực phẩm thừa, ... và các chất có nguồn gốc vô cơ như túi nylon, lon, chai... với khối lượng phát sinh dựa trên số liệu thống kê thực tế tại công ty khoảng 194 kg/năm.

Bảng 12. Thành phần và khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng hiện hữu (kg/năm)
1	Rác thải thực phẩm	116,4
2	Rác thải có khả năng tái chế	38,8
3	Rác thải sinh hoạt khác	38,8
	Tổng khối lượng	194

Tác động:

Chất thải rắn sinh hoạt về cơ bản, lượng chất thải rắn sinh hoạt của Dự án không lớn, không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, chất thải bị thối rữa nhanh. Nếu chất thải này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu cho môi trường và là môi trường thuận lợi cho các vi trùng phát triển, làm phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (chuột, ruồi,...) ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra, chất thải rắn sinh hoạt nếu không quản lý tốt sẽ phát sinh mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

3.4. Loại và khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại dự kiến phát sinh.

Nguồn phát sinh: Trong quá trình sản xuất, chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy bao gồm phế liệu các loại (bao bì, giấy thải từ văn phòng, từ hoạt động đóng gói,...), kim loại thải không nhiễm thành phần nguy hại (vụn thép, vụn sắt,...). Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn bên trong nhà kho.

Theo thống kê, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thực tế tại dự án là 61.278 kg/năm, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 13. Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Mã CTRTT	Khối lượng hiện hữu (kg/năm)
1	Kim loại thải không nhiễm thành phần nguy hại (Vụn thép, sắt,...)	11 04 03	60.000
2	Bao bì nhựa	18 01 06	1.150
3	Giấy và bao bì carton thải bỏ	18 01 05	128
4	Bùn thải từ bể tự hoại	-	500
	Tổng khối lượng		61.778

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

Tác động:

Chất thải công nghiệp không nguy hại: nếu không được thu gom và quản lý tốt sẽ ảnh hưởng tới việc sản xuất như: cản trở việc di chuyển đi lại, là nơi có tiềm năng nguy cơ gây cháy nổ, hỏa hoạn khi có sự cố xảy ra.

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Nguồn phát sinh:

- + Từ hoạt động chiếu sáng: bóng đèn huỳnh quang hỏng.
- + Từ hoạt động sản xuất và bảo dưỡng máy móc: dầu động cơ hộp số bôi trơn thải; găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; pin, ắc quy chì thải; nước thải từ bể nước làm mát, giải nhiệt;...

Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 14. Khối lượng chất thải nguy hại của Dự án

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng CTNH phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	KS	200
2	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	KS	200
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	10
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	NH	50
6	Giẻ lau có thành phần nguy hại	18 02 01	KS	400
7	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 06	NH	100
7	Cặn dầu thải	15 01 07	NH	20
	Tổng số lượng			1.000

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam).

Tác động:

- Chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm,...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người.

- Chất thải nguy hại thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư.

- Tác động đến môi trường: thu hẹp diện tích đất sử dụng: do chất thải được đem đi chôn lấp. Làm mất mỹ quan và vệ sinh môi trường nếu không được thu gom và quản lý triệt để. Làm ô nhiễm môi trường bao gồm cả 3 thành phần môi trường đất, nước và khí nếu không được quản lý tốt.

- Tác động đến con người và sinh vật: chủ yếu làm nhiễm độc con người và sinh vật một cách trực tiếp hay gián tiếp do tiếp xúc phải chất thải rắn của Dự án hay ăn phải thức ăn đã bị nhiễm độc do chất thải rắn làm ô nhiễm môi trường sống.

Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường tiếp nhận cụ thể là môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí. Do đó, việc lan truyền, ảnh hưởng các thành phần nguy hại đến con người, động vật và thực vật là khó tránh khỏi. Ngoài ra, sẽ gây nhiễm độc cho con người, động vật cũng như hệ thực vật nếu tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua môi trường tiếp nhận.

Nguồn chất thải này nếu không được quản lý tốt sẽ gây mùi khó chịu cho cán bộ nhân viên và ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh khu vực Dự án. Trong quá trình hoạt động, chủ Dự án sẽ quản lý chặt chẽ chất thải rắn, phân loại và lưu giữ chất thải đúng quy định, đồng thời hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh cũng như các Dự án lân cận.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của Dự án

4.1. Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải

Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng của Nhà máy sẽ cuốn theo rác thải, đất cát, các chất bẩn khác. Chủ Dự án đã thực hiện các biện pháp sau đây để giảm thiểu ô nhiễm đối với nước mưa:

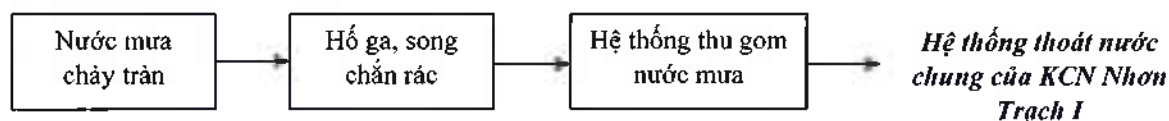
+ Tách riêng biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thu gom nước thải.

+ Nước mưa từ các mái nhà xưởng sẽ được thu gom máng xối, dẫn bằng ống PVC D114 sau đó đầu nối vào mương thu gom nước mưa chạy dọc theo tuyến đường nội bộ của Dự án.

+ Các nguồn nước mưa trên bề mặt sẽ thoát vào mương ven đường và dẫn tới các hố ga để đổ vào cống thu gom chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ. Tại các hố ga có bố trí song chắn rác để giữ lại các loại rác có kích thước lớn như lá cây, bao bì, giấy... Khoảng cách bố trí hố ga là 8-10m bố trí 1 hố ga. Các hố ga sẽ định kỳ nạo vét để loại bỏ rác, cặn lắng.

+ Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ của Dự án, dẫn bằng cống BTCT đặt ngầm D600 với độ dốc cống là $i = 0,3\%$ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch I tại tọa độ hố ga đầu nối nước mưa: trên đường số 2 tại 01 vị trí Hố ga (Tọa độ: X: 1188191.92; Y: 409829.81).

Quy trình như sau:



Hình 5 . Quy trình thu gom nước mưa

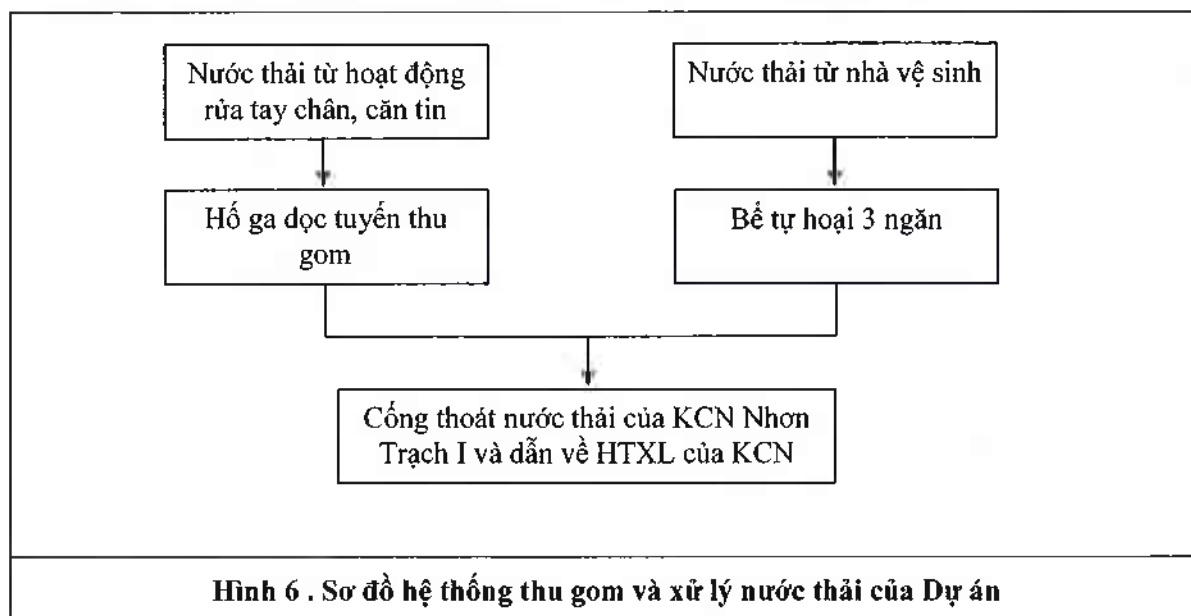
Ngoài ra, Chủ Dự án sẽ bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng Nhà máy nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ trong Nhà máy. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác... được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

✦ Thu gom nước thải sinh hoạt:

Công ty đã thu gom và xử lý sơ bộ như sau:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ.
- Nước rửa tay chân, căn tin được thu gom về các hố ga dọc tuyến thu gom, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Nhơn Trạch I

Quy trình thu gom nước thải sinh hoạt được thể hiện như sau:



Hình 6 . Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Dự án

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn về xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Bể tự hoại tại nhà máy được mô tả như sau:

- Công ty xây dựng 05 bể tự hoại 3 ngăn có cấu tạo bê tông cốt thép.

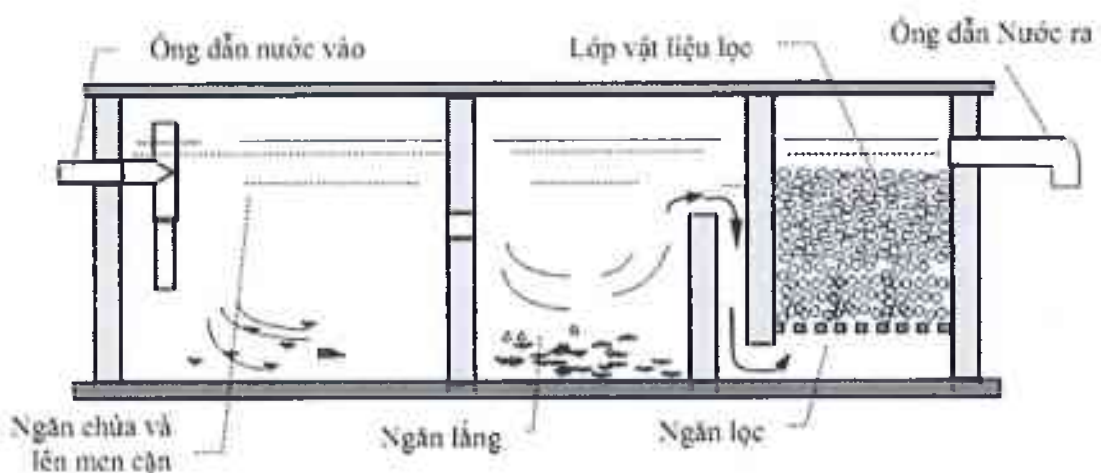
- Quy mô bể tự hoại: Nước thải phát sinh tại các nhà vệ sinh, khu văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom về 05 bể tự hoại có cấu tạo BTCT với tổng dung tích khoảng 130 m³. Trong đó: 04 bể tự hoại có dung tích 30 m³ (tại 03 nhà vệ sinh và khu văn phòng), 01 bể tự hoại có dung tích 10 m³ (tại nhà bảo vệ).

Nước thải sau bể tự hoại và nước thải từ các hoạt động rửa tay chân, căn tin được thu gom bằng tuyến HDPE D168 của Nhà máy rôi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I (chung vị trí đầu nối nước thải sản xuất).

Bể tự hoại có chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng được giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy và chuyển hóa.

- Bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc. Bể này có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

- Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện ở hình sau:



Hình 7. Bể tự hoại kết hợp lắng, lọc và sơ đồ hoạt động của bể tự hoại

1- Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2- Ống thông hơi; 3- Hộp bảo vệ; 4- Nắp để hút cặn; 5- Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6- Lỗ thông hơi; 7- Vật liệu lọc; 8- Đan

rút nước; 9- Xi phong định lượng; 10- Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và hiệu quả xử lý tương đối cao. Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm bể chứa – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn có trong dòng nước thải. Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh hấp thụ và chuyển hoá. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước. Lớp vật liệu lọc bao gồm 3 lớp: lớp sạn 1 x 3cm, lớp cát vàng, lớp đá 4 x 6cm. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn bằng bê tông để nước được tràn đều trên bề mặt lớp vật liệu lọc. Thời gian lưu của bể tự hoại khoảng 5 ngày. Định kỳ bùn sẽ được hút và xử lý theo quy định.

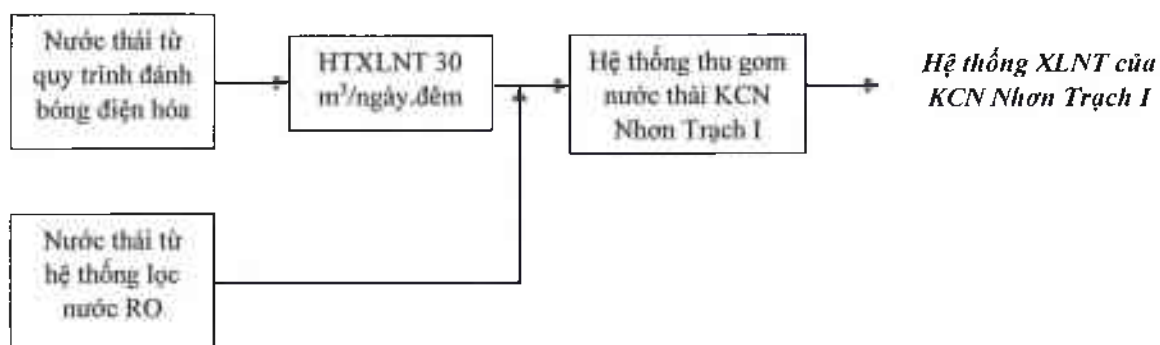
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà ăn,... được thu gom bằng đường ống PVC về xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi theo hệ thống thoát nước của nhà máy BTCT đầu nối vào tuyến thu gom nước thải chung của KCN (01 điểm đầu nối) để dẫn về tiếp tục xử lý tại HTXLNTTT KCN Nhơn Trạch I.

Công ty đã đầu tư 5 hầm tự hoại 03 ngăn với tổng dung tích 130 m³, đảm bảo khả năng xử lý đối với nước thải sinh hoạt khi thực hiện Dự án. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

↓ Thu gom nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất được thu gom theo đường ống PVC D300mm rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 30 m³/ngày. Quy trình thu gom nước thải như sau:

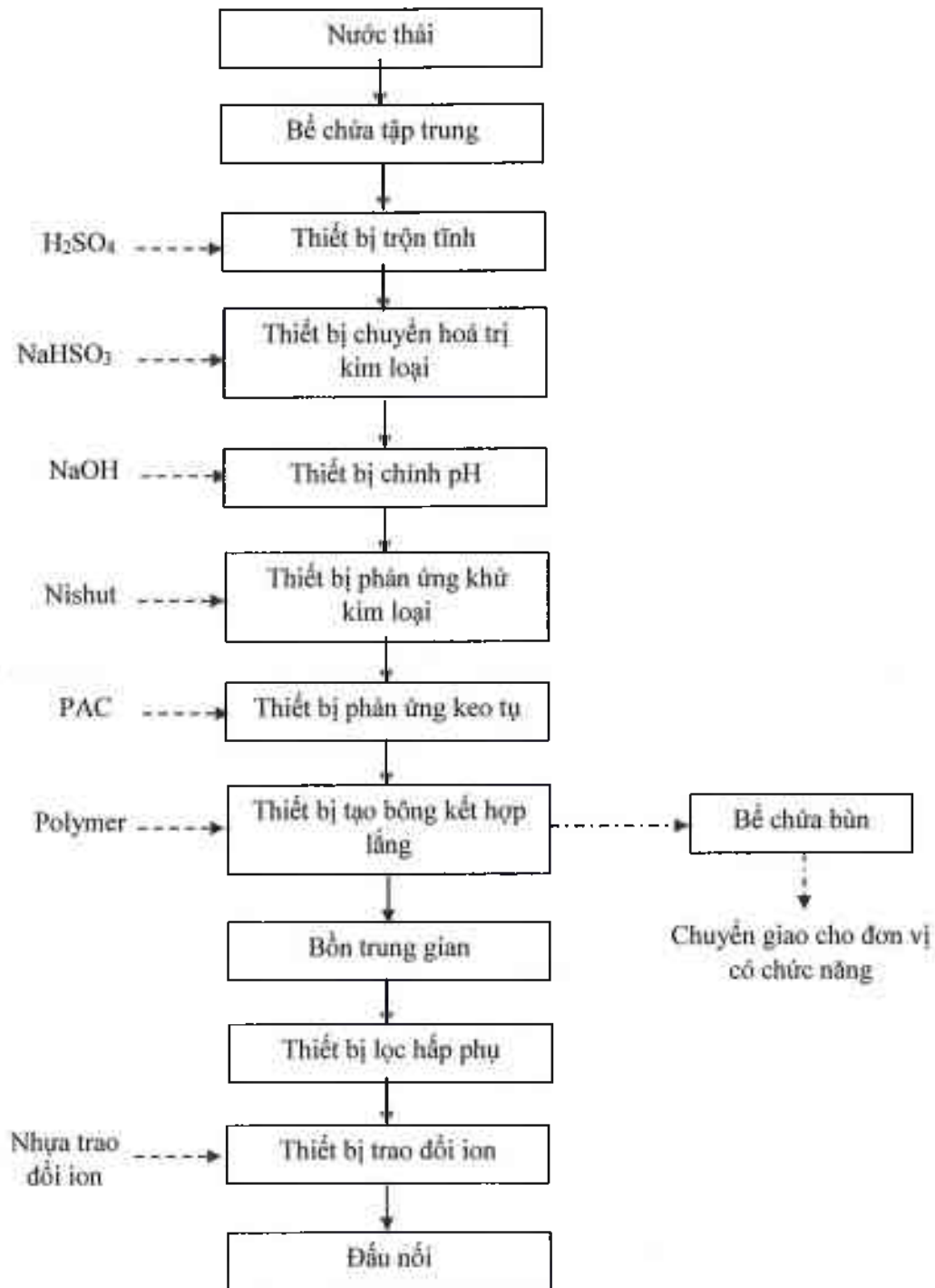


Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sản xuất

Công trình thoát nước và điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sau khi qua các HTXL nước thải của Nhà máy, sau đó chảy theo ống HDPE D168.đầu nối về hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I trên đường số 2 tại 01 vị trí Hồ ga Tọa độ: X: 1188205.93; Y: 409885.86. Theo đó, toàn bộ nước thải phát sinh tại Nhà máy được xử lý sơ bộ đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN trước khi đầu nối vào HTXL nước thải tập trung của KCN. Lượng nước thải được tính dựa vào đồng hồ theo dõi hàng ngày và có hoá đơn mỗi tháng.

Quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 9. Quy trình xử lý nước thải, công suất 30 m³/ngày.đêm

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn đánh bóng điện hoá được thu gom về bể chứa tập trung nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ trước khi vào hệ thống xử lý

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

nước thải.

Nước thải từ bể chứa tập trung được bơm về thiết bị trộn tĩnh. pH trong nước thải không ổn định, khác nhau trong từng thời điểm và thường không đảm bảo yêu cầu để tiếp tục xử lý tại các công đoạn sau. Do đó, tại đây sẽ được châm H_2SO_4 nhằm điều chỉnh nước thải về môi trường acid để phù hợp với công đoạn xử lý tiếp theo.

Nước thải tiếp tục được chảy vào thiết bị chuyển hoá trị kim loại. Tại đây, nước thải được châm thêm dung dịch $NaHSO_3$ nhằm chuyển đổi hoá trị kim loại trong nước sang dạng dễ phản ứng kết tủa để loại bỏ ra khỏi nước. Dưới tác động của cánh khuấy sẽ giúp hoà trộn nước thải và hoá chất đồng đều và nhanh chóng.

Nước thải sau đó được chảy vào thiết bị phản ứng điều chỉnh pH, tại đây cánh khuấy sẽ giúp hoà trộn dung dịch $NaOH$ được châm vào bể và nước thải một cách nhanh chóng giúp phản ứng xảy ra nhanh hơn nhằm làm tăng pH có trong nước thải giúp loại bỏ một số kim loại có khả năng kết tủa dạng hidroxit.

Sau khi kết tủa một số kim loại dạng hidroxit, nước thải được chảy vào thiết bị phản ứng khử kim loại. Tại đây, dung dịch Nishut được châm vào bể nhằm tạo phức càng cua với một số kim loại không kết tủa dạng hidroxit. Cánh khuấy trong thiết bị giúp trộn đều nước thải và hoá chất giúp phản ứng xảy ra nhanh hơn.

Tiếp theo, nước thải được chảy vào thiết bị phản ứng keo tụ. Keo tụ là sự phá vỡ tính bền vững của các hạt keo có trong nước thải bằng cách thêm hóa chất keo tụ, hóa chất keo tụ được sử dụng là dung dịch PAC. Nước thải và hóa chất được trộn đều nhờ cánh khuấy. Quá trình hòa tan PAC sẽ tạo các hạt polime Al_13 , với điện tích (7+) sẽ trung hoà điện tích hạt keo và tạo keo tụ rất mạnh. Ngoài ra, kích thước hạt polime lớn (cỡ 2nm) nên bông cặn hình thành to và thuận lợi cho quá trình lắng tiếp theo.

Sau đó nước thải tự chảy qua thiết bị phản ứng tạo bông kết hợp lắng. Tạo bông là sự kết dính các hạt đã mất độ bền vững thành các cụm bông có kích thước và khối lượng đủ lớn để lắng nhờ trọng lực. Tại đây, polyme anion được thêm vào nhằm kết lắng các chất thải rắn và các hạt keo hình thành từ bể keo tụ lại với nhau. Nhờ cấu trúc mạch dài các đoạn phân tử polymer hấp phụ lên bề mặt keo, tạo ra cầu nối với nhau hình thành bông keo tụ có kích thước lớn hơn hỗ trợ quá trình lắng. Cơ chế tạo bông được thể hiện qua các bước sau:

- Phân tán dung dịch polymer vào trong hệ huyền phù.
- Vận chuyển polymer trong hệ tới bề mặt hạt.

- Hấp phụ polymer lên bề mặt hạt.
- Liên kết các hạt đã hấp phụ polymer với nhau.

Nước thải sau quá trình keo tụ tạo bông sẽ hình thành các bông cặn có kích thước lớn. Dưới tác dụng của trọng lực, các bông cặn sẽ lắng xuống đáy bể, phần nước trong được thu lại và chảy vào bồn trung gian nhằm ổn định lưu lượng nước thải.

Nước thải sau quá trình keo tụ - tạo bông - lắng đã loại bỏ phần lớn các chất ô nhiễm cần xử lý sẽ tiếp tục được chảy qua thiết bị lọc hấp phụ và thiết bị trao đổi ion nhằm loại bỏ các hàm lượng kim loại ở mức thấp <5ppm.

Bùn từ bể lắng được xả vào bể chứa bùn. Tại đây, bùn sẽ lắng nén dần xuống, phần nước trong sẽ được bơm lại bể chứa tập trung để tiếp tục xử lý. Phần bùn đặc được bơm về máy ép bùn nhằm ép thành bùn khô và chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch 1 sẽ được đầu chung vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt hiện hữu của Nhà máy về hồ ga đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

Thông số kỹ thuật HTXLNT như sau:

Bảng 13. Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải, công suất 30 m³/ngày.đêm

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Bể chứa nước thải	Việt Nam	- Vật liệu: BTCT - Kích thước: DxRxH: 2,9mx2,9mx2,1m	01
2	Thiết bị trộn tĩnh	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - DxL: 218x1.000mm	01
3	Thiết bị chuyển hóa trị KL	Taiwan	-	01
4	Thiết bị chỉnh pH	USA	- Thang đo: 0- 10ppm - Độ phân giải: 0.01ppm - Nguồn điện: 220V/60Hz	01
5	Thiết bị khử KL	Taiwan	-	01

Đăng ký môi trường

6	Thiết bị keo tụ	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: DxR: 1,6mx1,6m - Chiều cao: 1,2m	01
7	Cụm bể tạo bông kết hợp lắng	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - Đường kính: 2,4m	01
8	Bồn trung gian	Việt Nam	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 1,0m	01
9	Bồn lọc hấp phụ	Việt Nam	- Loại: Bồn đứng - Vật liệu: SUS304 - Áp suất: 1,5 Bar	01
10	Thiết bị trao đổi ion	USA	- Vật liệu: Sợi thủy tinh tổng hợp	01
11	Bể chứa bùn	Việt Nam	- Vật liệu: BTCT - Kích thước: DxRx C: 2,4mx2,9mx2,1m	

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

Bảng 14. Danh mục các thiết bị sử dụng trong HTXL nước thải

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Bể chứa nước thải	Việt Nam	- Vật liệu: BTCT - Kích thước: DxRx C: 2,9mx2,9mx2,1m	01
2	Thiết bị trộn tĩnh	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - DxL: 218x1.000mm	01
3	Thiết bị chuyển hóa trị KL	Taiwan	-	01
4	Thiết bị chỉnh pH	USA	- Thang đo: 0- 10ppm - Độ phân giải: 0.01ppm - Nguồn điện: 220V/60Hz	01
5	Thiết bị khử KL	Taiwan	-	01
6	Thiết bị keo tụ	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: DxR: 1,6mx1,6m - Chiều cao: 1,2m	01
7	Cụm bể tạo bông kết hợp lắng	Việt Nam	- Vật liệu: Inox 304 - Đường kính: 2,4m	01
8	Bồn trung gian	Việt Nam	- Vật liệu: Nhựa PVC - Đường kính: 1,0m	01

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

Đăng ký môi trường

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
9	Bồn lọc hấp phụ	Việt Nam	- Loại: Bồn đứng - Vật liệu: SUS304 - Áp suất: 1,5 Bar	01
10	Thiết bị trao đổi ion	USA	- Vật liệu: Sợi thủy tinh tổng hợp	01
11	Bể chứa bùn	Việt Nam	- Vật liệu: BTCT - Kích thước: DxRxH: 2,4mx2,9mx2,1m	

(Nguồn: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam)

Ngoài ra, nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt giới hạn tiếp nhận của KCN, Công ty thực hiện một số biện pháp sau:

+ Vận hành thường xuyên, ổn định, đúng quy trình theo hướng dẫn vận hành của HTXL nước thải.

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ HTXL nước thải. Có thiết bị dự phòng đảm bảo quá trình hoạt động của các hệ thống.

+ Kiểm soát lượng nước thải phát sinh, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu môi trường và được lưu chứa ở hồ để kiểm tra chất lượng nước thải.

4.2. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, khí thải

Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu

- Thường xuyên vệ sinh sân bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Dự án .

- Bố trí, sắp xếp thời gian hoạt động của các phương tiện hợp lý, tránh hoạt động tập trung.

- Chọn sử dụng nguyên liệu tốt, có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện.

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển. Không sử dụng các loại xe vận chuyển không được đăng kiểm, kiểm định.

- Các phương tiện giao thông vận tải không được chở quá tải trọng quy định.

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ.

- Giảm tốc độ khi lưu thông trong khuôn viên nhà máy.
- Thường xuyên kiểm tra bảo trì các phương tiện vận chuyển. Sửa chữa và thay thế kịp thời các bộ phận hỏng hóc, hiệu chỉnh để máy móc có hiệu suất tốt nhất.
- Thường xuyên phun ẩm đường nội bộ, sân bãi.
- Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc dỡ hàng.
- Tăng cường trồng thêm diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan cũng như tạo bức tường chắn giảm thiểu phát tán bụi ra ngoài môi trường xung quanh.

Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động phương tiện vận chuyển của công nhân viên

Tổng số lao động làm việc tại Nhà máy khoảng 43 người. Như vậy, khi Dự án đi vào hoạt động ổn định ước tính sẽ có tối đa 80 xe gắn máy và 3 xe ô tô ra vào công ty trong 1 ngày. Một ngày trung bình 1 xe đi 2 chuyến với quãng đường vận chuyển khoảng 5 km/chuyến. Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên vệ sinh sân bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Dự án.
- Giảm tốc độ khi lưu thông trong khuôn viên nhà xưởng.

Giảm thiểu hơi hoá chất từ công đoạn đánh bóng điện hoá

Do đó, Chủ dự án thực hiện một số biện pháp như:

- Trang bị đồ bảo hộ lao động.
- Bố trí nhà xưởng cao ráo, thông thoáng.
- Bố trí quạt hút gió trên tường nhà xưởng để làm thông thoáng xưởng sản xuất.
- Đặt bảng hướng dẫn sử dụng an toàn hoá chất tại khu vực

Giảm thiểu Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ (thay dầu nhớt, làm sạch bộ lọc không khí, kiểm tra hệ thống nhiên liệu).
- Đảm bảo máy hoạt động ở điều kiện tối ưu, tránh để máy chạy không tải quá lâu.
- Kiểm tra mức tiêu hao nhiên liệu để phát hiện các dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả.

4.3. Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải rắn sinh hoạt

Phần chất thải này được thu gom bằng các thùng rác vào khu lưu giữ chất thải rắn và được đơn vị có chức năng thu gom theo quy định.

Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt được kiến nghị như sau:

- Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều phải trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt của công nhân.

- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt).

- Các thùng này được nhân viên thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác, 2 ngày/lần thu gom và tập kết tại khu vực tập kết để chuyển giao.

4.4. Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải công nghiệp không nguy hại

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom phân loại tại nguồn trước khi lưu vào kho và chuyển giao cho đơn vị thu gom. Đối với từng loại rác thải khác nhau thì có biện pháp quản lý phù hợp.

- Đối với giấy thải từ văn phòng được thu gom bằng các sọt rác, thùng rác nhỏ khoảng 20 lít đặt tại văn phòng làm việc rồi cho vào bao nilon lưu vào nhà rác thải công nghiệp thông thường.

- Đối với vụn thép được thu gom lưu trữ trong kho chứa chất thải công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sau khi thu gom phân loại tại nguồn sẽ được lưu vào nhà chứa rác thải công nghiệp không nguy hại diện tích 80 m², được lắp ghép bằng khung sắt, mái tôn, nền đổ bê tông chống nước mưa từ ngoài tạt vào, sau đó được các đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định pháp luật. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại: vụn thép, Nylon, giấy vụn, ...

4.5. Biện pháp giảm thiểu đối với chất thải nguy hại

Dự án sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại của Công ty sẽ được phân loại, chứa vào các thùng chứa riêng biệt và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại đến thu gom và xử lý theo đúng quy định, cụ thể:

- Công ty đã xây dựng khu chứa chất thải nguy hại riêng biệt với diện tích là 20 m². Khu chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại,... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công ty, sử dụng các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa để chứa từng loại chất thải như: Hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng nhựa, bao tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại,...

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Chủ đầu tư Dự án cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Chủ Dự án sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

- Chủ Dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong văn bản Đăng ký môi trường nhằm đảm bảo được Quy chuẩn Kỹ thuật môi trường Việt Nam;

- Chủ Dự án cam kết thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của nhà xưởng sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy, bùn thải định kỳ được đơn vị thu gom đến hút và đem đi xử lý định kỳ, nước thải sau đó đầu nối với Hệ thống thu gom xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch I.

- Dự án sẽ không xả nước thải ra môi trường và đảm bảo không để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH TMDV TVMT Thăng Phát

Đăng ký môi trường

- Chủ Dự án cam kết thu gom toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ quy trình đánh bóng điện hóa sẽ được xử lý sơ bộ bằng Hệ thống XLNT, toàn bộ nước thải sẽ đầu nối với Hệ thống thu gom XLNT của KCN Nhơn Trạch I, bùn thải từ HTXLNT khi phát sinh được thu gom và xử lý như CTNH. Dự án sẽ không xả nước thải ra môi trường và đảm bảo không để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

- Chủ Dự án cam kết thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và hạn chế tác động về bụi phát sinh từ phương tiện giao thông.

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP Ngày 06/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Chủ Dự án sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của văn bản đăng ký môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Phước Thiện tiếp nhận Đăng ký môi trường của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY

TNHH TAEYANG VIỆT NAM



KIM TAE HYUN

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900182899

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 09 tháng 05 năm 2018

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TNHH TAEYANG SAIGON; MSDN: 3600891032

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TNHH TAEYANG HÀ NỘI; MSDN: 0900352886

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN QUỐC; MSDN: 0302012851

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAEYANG VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 3980292

Fax: 0221 3980295

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 92.120.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng

Tương đương 5.400.000 USD (Năm triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: TYS CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: QĐ-180111-0318112

Do: Cơ quan thuế Busan, Hàn Quốc

Cấp ngày: 24/03/2000

Địa chỉ trụ sở chính: 185, Noksansaneopjung-ro, Gangseo-gu, Busan, Hàn Quốc, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LEE HAG JU

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *29/08/1961* Dân tộc: *Quốc tịch:* *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *M98597453*

Ngày cấp: *27/08/2009* Nơi cấp: *Bộ thương mại và ngoại giao Hàn Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 1302, tòa 105-51 Gil, Sam Seong-Ro, Gangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng A2810, tầng 28 Tòa nhà Kangnam Landmark, số 72 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Cấp ngày 06 tháng 06 năm 2018

1. Tên địa điểm kinh doanh:

NHÀ MÁY HUNG YÊN CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG YEN FACTORY OF TAEYANG VINA CO., LTD

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt: TAEYANG VINA – NHÀ MÁY HUNG YÊN

2. Địa chỉ:

Số 3 đường Tân Hưng, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213 810 864

Fax: 02213 810 865

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: CHOI YOUNG DON

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/01/1957

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M33936425

Ngày cấp: 12/10/2017

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11-1209, Woosung Apt, Daechi-dong, Gangnam, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Số 3 đường Tân Hưng, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0900182899

Địa chỉ trụ sở chính: Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



Doãn Thị Tâm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0900182899-001

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2018

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NAI BRANCH OF TAEYANG VINA CO.,LTD

Tên chi nhánh viết tắt: TAEYANG VINA - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

2. Địa chỉ:

KCN Nhon Trạch I, Xã Phước Thiển, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (84) 2513 569 862

Fax: (84) 2513 569 825

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: KIM TAEHYUN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/06/1973 Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M53854467

Ngày cấp: 07/03/2016

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6-11, Heukseok-Dong, Dongjak-gu, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Số 12, đường Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0900182899

Địa chỉ trụ sở chính: Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Trưng Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



Đỗ Quốc Thịnh

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1068155287

Chứng nhận lần đầu: ngày 22 tháng 5 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ tư: ngày 25 tháng 7 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 18 tháng 10 năm 2018

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 5 năm 2018 do phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899-001 ngày 16 tháng 5 năm 2018 do phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1068155287 ngày 25 tháng 7 năm 2018 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp;

Xét văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và Hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM đăng ký ngày 15 tháng 10 năm 2018,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1068155287 ngày 25 tháng 7 năm 2018 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp;

Được đăng ký: Đổi tên Dự án từ NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM thành CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM.

Nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp; trụ sở chính đặt tại: Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Đại diện bởi: Ông LEE HAG JU; chức vụ: Tổng giám đốc; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1961; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số: M98597453 cấp ngày 27 tháng 8 năm 2009; thường trú tại Số nhà 1302, tòa 105-51 Gil, Sam Seong-Ro, Gangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp; trụ sở chính đặt tại: Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM (tên cũ là NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM).

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Sản xuất phụ tùng, linh kiện của máy cán thép, máy tiện, máy xử lý nhiệt với quy mô 1.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ với quy mô 22.000.000 sản phẩm/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích đất sử dụng: 28.748 m².

4. Tổng vốn đầu tư của dự án là 214.680.000.000 (hai trăm mười bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 38.120.000.000 (ba mươi tám tỷ, một trăm hai mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 2.000.000 USD (hai triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 20% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và tiến độ góp vốn như sau:

CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM góp 38.120.000.000 (ba mươi tám tỷ, một trăm hai mươi triệu) đồng Việt Nam, tương đương 2.000.000 USD (hai triệu) đô la Mỹ, chiếm 100% vốn góp; tiến độ góp vốn: đã góp đủ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 41 (bốn mươi một) năm kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2007.

6. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh từ tháng 12 năm 2007.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:****a) Căn cứ pháp lý và đối tượng, điều kiện hưởng ưu đãi:**

- Căn cứ pháp lý: Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án sản xuất công nghiệp trong khu công nghiệp.

b) Thuế suất phổ thông:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% (hai mươi tám phần trăm) áp dụng trước thời điểm 31/12/2008;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2009 đến thời điểm 31/12/2013;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (hai mươi hai phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2014 đến thời điểm 21/12/2015;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2016.

c) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Đối với mục tiêu sản xuất phụ tùng, linh kiện của máy cán thép, máy tiện, máy xử lý nhiệt với quy mô 1.000 sản phẩm/năm, sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ với quy mô 22.000.000 sản phẩm/năm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% (mười lăm phần trăm) thu nhập chịu thuế trong 12 (mười hai) năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; sau thời hạn nêu trên, thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo thuế suất phổ thông.

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

- Đối với phần thu nhập tăng thêm do tăng vốn đầu tư từ 3.000.000 USD lên 10.000.000 USD:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1068155287 ngày 25 tháng 7 năm 2018 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

 **TRƯỞNG BAN**

Cao Tiên Sỹ

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam

Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 – Đồng Nai

Căn cứ pháp lý:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định 85/CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- Quyết định số 715/TTg ngày 30/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 - Tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp A Tuy Hạ;
- Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 22/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thuộc Bộ Xây dựng thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 tại Tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 577/QĐ-BXD ngày 17/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900182899 của Công ty TNHH Taeyang Việt Nam, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/5/2018 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Hưng Yên;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900182899-001 của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam, đăng ký lần đầu ngày 16/5/2018 cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai;



- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1068155287 chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Taeyang Việt Nam;

- Biên bản thỏa thuận số /BB-CT ngày / /2018 giữa các Bên liên quan về việc chuyển giao Hợp đồng thuê lại đất của Công ty TNHH Taeyang Saigon cho Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam tại KCN Nhơn Trạch 1.

- Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê đất số /CT-ĐT ngày / /2018 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO và Công ty TNHH Taeyang Saigon;

- Nhu cầu và khả năng của các bên sau đây :

I. Bên cho thuê lại đất (Bên A) :

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO ("IDICO-URBIZ")

Trụ sở : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Mã số thuế : 3600257771
Điện thoại : 0251.3560475 – Fax: 0251.3560477
Đại diện : Ông Phan Văn Quang – Chức vụ: Giám đốc

II. Bên thuê lại đất (Bên B)

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM ("Taeyang Đồng Nai")

Trụ sở : KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế : 0900182899-001
Điện thoại : 0251.3569.862 – Fax: 0251.3569.825
Đại diện : Ông Kim TaeHyun – Chức vụ: Giám đốc

Hôm nay, ngày / /2018, tại Văn phòng Công ty IDICO-URBIZ, hai bên cùng thỏa thuận thống nhất ký Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau:

Điều 1: Thửa đất cho thuê lại

1.1 Thửa đất cho thuê lại

- Diện tích: 28.748m²
- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.2 Vị trí và diện tích của thửa đất cho thuê lại (sau đây gọi tắt là Khu đất thuê) được xác định trong bản đồ quy hoạch cơ cấu sử dụng đất của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.



Trụ sở: Đ. Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, X. Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
Tel: 02513. 560.475 ; Fax: 02513. 560.477
Email: urbizco@hcm.vnn.vn ; Website: idico-urbiz.vn

- 1.3 Bản đồ xác định vị trí và diện tích của Khu đất thuê là một bộ phận pháp lý không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.4 Mục đích sử dụng Khu đất thuê: xây dựng nhà máy sản xuất phụ tùng, linh kiện của máy cán thép, máy tiện, máy xử lý nhiệt, bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ.

Điều 2: Thời hạn thuê lại đất và sử dụng hạ tầng khu công nghiệp:

Thời hạn thuê lại đất và sử dụng hạ tầng khu công nghiệp được tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 22/01/2048.

Điều 3: Đơn giá phí thuê lại đất:

- 3.1. Giá thuê đất thô thanh toán hàng năm: 4.665 VND/m²/năm (tương đương 0,2 USD/m²/năm)
- 3.2. Phí sử dụng hạ tầng thanh toán hàng năm: 20.993 VND/m²/năm (tương đương 0,9 USD/m²/năm).
- 3.3. Các đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 3.4. Giá thuê đất thô, phí sử dụng hạ tầng được giữ ổn định tối thiểu là 5 năm. Khi điều chỉnh tăng thì mức tăng là 15% so với giá trước đó.
- 3.5. Đồng Đô la Mỹ sẽ được sử dụng làm tham chiếu cho việc điều chỉnh Giá thuê đất thô tại thời điểm điều chỉnh.

Điều 4: Cách tính các khoản phí thuê lại đất và Phương thức thanh toán:

4.1 Cách tính phí thuê lại đất thanh toán hàng năm:

4.1.1 Tiền thuê lại đất thanh toán hàng năm được tính từ ngày 01/01/2019.

Tiền thuê lại đất năm 2018 của Khu đất thuê đã được Công ty TNHH Taeyang Saigon hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và chuyển giao quyền lợi và nghĩa vụ cho Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam.

4.1.2 Phí thuê lại đất được tính như sau:

$$\text{Phí thuê lại đất (VND/m}^2\text{/năm)} = \text{Giá cho thuê đất thô (VND/m}^2\text{/năm)} + \text{Phí sử dụng hạ tầng (VND/m}^2\text{/năm)}$$

Cụ thể:

$$\text{Phí thuê lại đất là } = 4.665 + 20.993 = \mathbf{25.658 \text{ VND/m}^2\text{/năm}}$$

(Tương đương : 1,1 USD/m²/năm)

(Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng, tương đương một phẩy một đô la Mỹ)

4.1.3 Tiền thuê lại đất thanh toán hàng năm trong 05 năm đầu tiên được tính như sau:



$$\begin{array}{l} \text{Tiền thuê lại đất} \\ \text{mỗi năm} \\ \text{(VND)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Phí thuê lại mỗi năm} \\ \text{(VND/m}^2\text{/năm)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích đất thuê} \\ \text{(m}^2\text{)} \end{array}$$

Cụ thể:

Số tiền phải trả là = 25.658 x 28.748 = 737.616.184 VND

(Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, một trăm tám mươi tư đồng)

4.1.4 Phí thuê lại đất của các năm không đủ 12 tháng thuê lại được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phí thuê lại đất} \\ \text{năm đầu (năm} \\ \text{cuối)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Phí thuê lại đất} \\ \text{thuê} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích đất} \\ \text{thuê} \end{array}}{12 \text{ tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Số tháng} \\ \text{thuê đất} \\ \text{thực tế} \end{array}$$

4.2 Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán phí thuê lại đất cho Bên A hàng năm trong vòng 20 ngày đầu tiên của mỗi năm theo giấy báo thanh toán của Bên A.

4.3 Mọi khoản thanh toán nêu trên sẽ phải tuân theo các quy định chung sau đây:

4.3.1 Thanh toán được thực hiện bằng Đồng Việt Nam;

4.3.2 Thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản qua ngân hàng;

4.3.3 Lệ phí chuyển khoản do bên B chịu trách nhiệm thanh toán;

4.3.4 Thông tin tài khoản ngân hàng của bên A:

Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai

Tài khoản Việt Nam đồng số: 670.10.000.000.129

Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

4.3.5 Nếu một khoản thanh toán không rơi vào Ngày Làm Việc, thì khoản thanh toán đó sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp;

4.3.6 Trường hợp Bên B chậm thanh toán các khoản tiền thuê lại đất, Bên B phải chịu thanh toán lãi suất quá hạn của Ngân hàng tính trên số tiền và thời gian chậm thanh toán. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất vốn vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm chậm thanh toán.

4.3.7 Trường hợp quá hạn thanh toán tiền theo quy định của Hợp đồng này mà Bên B chưa thanh toán, thì Bên A sẽ xem xét ngừng cung cấp các tiện ích hạ tầng như điện, nước và các tiện ích hạ tầng khác cho Bên B.

Điều 5: Cam kết và trách nhiệm của mỗi bên sau khi ký Hợp đồng thuê lại đất:

5.1 Bên A:



Trụ sở: Đ.Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, X.Phước Thiện, H.Nhơn Trạch, T.Đồng Nai
Tel: 02513. 560.475 ; Fax: 02513. 560.477
Email: urbizco@hcm.vnn.vn ; Website: idico-urbiz.vn

- 5.1.1 Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản do Bên B xây dựng và trang bị trên khu đất thuê lại trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng;
- 5.1.2 Đảm bảo khu đất cho thuê lại không có tranh chấp và sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt thời gian thuê lại đất;
- 5.1.3 Cung cấp điện 22kV tới hàng rào của Nhà máy theo điều kiện hiện hữu;
- 5.1.4 Cung cấp nước sạch tới hàng rào nhà máy, lưu lượng là ... m³/ngày.đêm;
- 5.1.5 Tiếp nhận nước thải sau khi đã xử lý từ hàng rào của nhà máy để đưa vào hệ thống nước thải chung của toàn khu;
- 5.1.6 Hỗ trợ, cung cấp các tài liệu liên quan để bên B thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh;
- 5.1.7 Đảm bảo cho Bên B được sử dụng các tiện ích hạ tầng khác (nếu có) của Khu công nghiệp với đầy đủ tiêu chuẩn, tạo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B;
- 5.1.8 Lập hồ sơ giao đất, tiến hành giao đất và các điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật liên quan đến khu đất cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng;

5.2 Bên B:

- 5.2.1 Bên B chỉ có quyền sử dụng khu đất thuê lại để triển khai các hoạt động của nhà máy theo quy định của Giấy chứng nhận Đầu tư đã được cấp, chấp hành Luật pháp Việt Nam và các điều ghi trong Hợp đồng này.

Các tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, cổ vật và nguồn nước ngầm đều thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo Luật khoáng sản của Việt Nam. Nghiêm cấm Bên B tự ý khai thác;

- 5.2.2 Thiết kế xây dựng các công trình và nhà xưởng theo đúng và các quy định về xây dựng cơ bản của Việt Nam và Quy định quản lý xây dựng, môi trường, an toàn PCCC, an ninh trật tự và đấu nối hạ tầng trong KCN Nhơn Trạch I ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-CT do Công ty IDICO-URBIZ ban hành ngày 14/9/2018;
- 5.2.3 Diện tích cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy không được nhỏ hơn 20% diện tích đất thuê. Hệ thống dây dẫn điện nội bộ phải bố trí là hệ thống điện ngầm. Hàng rào khu đất thuê tiếp giáp với đường giao thông phải được làm thông thoáng và mỹ thuật;
- 5.2.4 Xây dựng hai hệ thống thoát nước riêng biệt gồm: Thoát nước mưa và thoát nước thải kết hợp với các hố ga. Đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp theo chỉ dẫn trong hồ sơ giao đất. Các hệ thống cống, các hố ga và trạm xử lý nước thải phải nằm trong hàng rào của Khu đất thuê;
- 5.2.5 Bên B, bằng chi phí của mình, thiết kế và xây dựng hệ nước trung gian trong Khu đất thuê để dự trữ nước phục vụ cho công tác PCCC và đề phòng sự cố của hệ thống cấp nước chung;



- 5.2.6 Trong quá trình xây dựng và hoạt động của nhà máy phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không được gây ô nhiễm mất vệ sinh trên các tuyến đường khu công nghiệp. Có trách nhiệm bảo quản các công trình hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy của mình, cụ thể: hệ thống điện, cây xanh, cống thoát nước...;
- 5.2.7 Khí thải và chất thải rắn từ Khu đất thuê phải được xử lý theo quy định pháp luật về môi trường;
- 5.2.8 Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án và phải có báo cáo giám sát môi trường định kỳ cho hoạt động sản xuất của nhà máy;
- 5.2.9 Việc sử dụng điện, nước, xử lý nước thải sẽ được thương lượng và ký kết bởi các hợp đồng riêng. Bên B cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền thuê lại đất, tiền sử dụng điện, nước, phí xử lý nước thải;
- 5.2.10 Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy và trật tự an ninh trong khu đất thuê;
- 5.2.11 Xây dựng bể chứa đảm bảo tiếp nhận đủ nguồn nước thải không được xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn trong trường hợp hệ thống vận hành xử lý nước thải nội bộ của Bên B gặp sự cố và Bên B phải có trách nhiệm xử lý không được để nguồn nước thải này thải vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp;
- 5.2.12 Bên B chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho bên A trong trường hợp bên A bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hoặc không cố ý của bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trong Khu đất thuê, trong thời hạn thuê lại đất;

Điều 6: Cho thuê lại nhà xưởng và hình thành pháp nhân mới:

- 6.1 Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, nếu bên B cho bên thứ 3 thuê lại nhà xưởng trong phạm vi Khu đất thuê thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A và phải được sự đồng ý của bên A trước khi tiến hành ký hợp đồng với bên thứ 3.
- 6.2 Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng thì Bên B phải thông báo trước với Bên A bằng văn bản. Nhà đầu tư mới phải ký Hợp đồng thuê lại đất mới với Bên A theo quy định của pháp luật và đơn giá tại thời điểm ký kết Hợp đồng mới.

Điều 7: Hoàn trả lại đất và thu hồi đất:

7.1 Hoàn trả lại đất:

Nếu Bên B không tiếp tục thực hiện dự án thì Bên B phải hoàn trả toàn bộ khu đất thuê cho bên A (không hoàn trả một phần) và gửi thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do hoàn trả tới bên A. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấp thuận hoàn trả đất của bên A, Bên B phải hoàn thành xử lý toàn



bộ tài sản trên đất và thanh toán các khoản công nợ: Điện, nước, phí xử lý nước thải.

Sau khi bên B hoàn trả toàn bộ khu đất cho bên A, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng thuê lại đất.

7.2 Thu hồi đất:

Trong vòng 24 tháng, Bên B không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4, Bên A sẽ gửi thông báo và tiến hành thủ tục thu hồi khu đất.

Điều 8: Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng thuê lại đất này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- 8.1 Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại Điều 2.
- 8.2 Một trong hai bên không tuân thủ các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.
- 8.3 Bên B chấm dứt hoạt động, phá sản hoặc bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới trước khi Hợp đồng này hết hiệu lực pháp lý.

Điều 9: Xử lý vi phạm:

- 9.1 Hợp đồng thuê lại đất này do Pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chi phối và ràng buộc các bên.
- 9.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này đều được các bên giải quyết trước tiên thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần tôn trọng và hợp tác. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải thì sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án Kinh tế tỉnh Đồng Nai, lấy phán quyết của tòa án làm căn cứ giải quyết, bên thua phải chịu mọi chi phí của tòa án.
- 9.3 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, khi Pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về các luật định, quyết định hay các quy chế, văn bản pháp lý khác có liên quan, ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản của Hợp đồng thì hai bên phải tuân thủ và thực hiện theo.

Điều 10: Điều khoản chung

- 10.1 Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ trên, thì tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ giải thích.
- 10.2 Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.
- 10.3 Hợp đồng thuê lại đất này được thành lập 07 (bảy) bộ. Mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) tiếng Anh. Bên A giữ 3 (ba) bộ, Bên B giữ 02 (hai)



bộ. Đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Văn phòng công chứng, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.

10.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày: 25/09/2018 (Ngày hai mươi lăm tháng chín năm hai nghìn không trăm mười tám),

Tại Văn phòng Công chứng Phan Thiên Dương – Tỉnh Đồng Nai

(Đ/c: số 1236, Bàu Hàm 2, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai)

Tôi, Phan Thiên Dương, Công chứng viên - Trưởng Văn phòng Công chứng

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng Thuê Lại Đất Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam tại KCN Nhơn Trạch 1, được giao kết giữa:

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT (Sau đây gọi là Bên A):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Mã số thuế: 3600257771

- Đại diện Ông: **PHAN VĂN QUANG**, Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT (Sau đây gọi là bên B):

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

- Trụ sở: KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Mã số thuế: 0900182899-001

- Đại diện Ông: **KIM TAEHYUN**, Chức vụ: Giám đốc

- Người phiên dịch: Bà Võ Thị Bảo Hà (CMND số 271487906). Theo Giấy Đề Cử Phiên Dịch Viên tại Chi Nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam ngày 10/10/2018.

Tại thời điểm ký kết,

- Hợp đồng được thể hiện song ngữ (Việt – Anh), lấy tiếng Việt làm chuẩn.
- Mục đích, nội dung của hợp đồng, giao dịch (Tiếng Việt) không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Các Bên tham gia hợp đồng đã đọc kỹ và đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng này. Bên B đã ký và đóng dấu vào bản hợp đồng này trước sự có mặt của tôi. Chữ ký của người Đại diện và dấu đóng của bên A đúng với mẫu dấu và chữ ký đã được đăng ký tại Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương.
- Văn bản công chứng gồm: Bảy bản chính, mỗi bản gồm: Tám tờ, Mười bảy trang (Bao gồm Trang Lời chứng của Công chứng viên), Lưu tại Văn phòng Công chứng: Một bản chính.

Số Công chứng:5788....., Quyền số:6.....TP/CC-SCC/HGD.

ĐÃ THU PHÍ



Phan Thiên Dương

GHI CHÚ: Lời chứng của Công chứng viên được thực hiện theo quy định tại: Điều 46 – Luật Công chứng 2014. Thông tư số: 06/2015/TT-BTP ngày 15-6-2015 của Bộ Tư Pháp

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1950

...

...

...

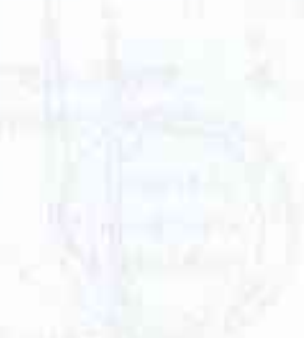
...

...

...

...

...



UNIVERSITY OF CHICAGO

TRÍCH LỤC VÀ BIÊN VẼ THỬA ĐẤT BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

SỐ 33/2010

TỶ LỆ: 1/2000

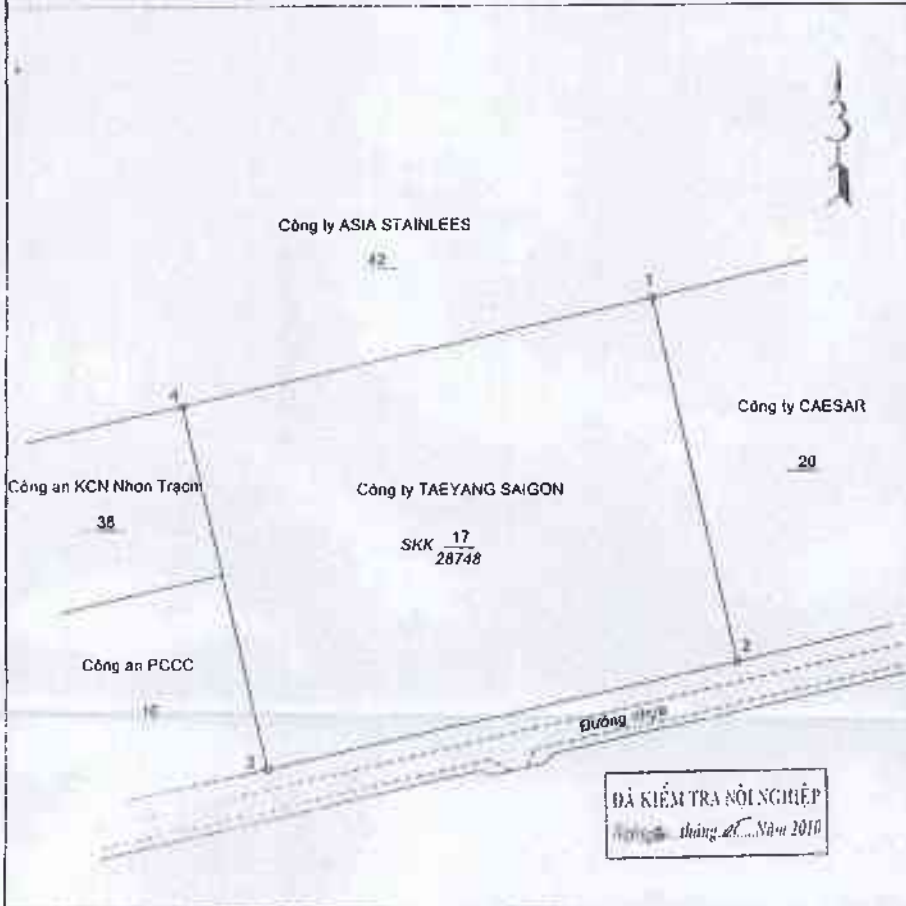
Tên công trình: CÔNG TY TNHH TAEYANG SÀI GÒN

Địa điểm: xã Phước Thiện - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai

Diện tích đất sử dụng : 28748m²

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ KHOẢNG CÁCH
(Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3)

Số hiệu mốc	Khoảng cách (m)	TỌA ĐỘ		Chất hiệu mốc
		X(m)	Y(m)	
1	149.19	1188376.89	409968.96	Góc tường
2	192.42	1188231.68	410003.20	- nỉ -
3	149.62	1188188.41	409815.71	- nỉ -
4	192.42	1188334.04	409781.37	- nỉ -
1	149.19	1188376.89	409968.96	- nỉ -



TRÍCH LỤC ĐỒ CẠ THỬA ĐẤT XÃ PHƯỚC THIỆN
Có thửa 73 tờ số 41 Tỷ lệ: 1/5000



SƠ ĐỒ CHỈ DẪN VỊ TRÍ KHU ĐẤT TỶ LỆ 1:500.000



GHI CHÚ

- Thửa đất thể hiện trên bản vẽ này được trích lục và biên vẽ từ thửa 17 tờ số 41 bản đồ địa chính xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch thành lập năm 2003, do Xi Nghiệp Trắc địa Bản đồ 102 - Công ty Đo đạc ảnh địa hình biên vẽ lại từ bộ ĐỒ CẠ khu CN Nhơn Trạch tháng 12 năm 2007, đã được chỉnh sửa sau đăng ký hoàn thành tháng 5 năm 2009, không kiểm tra đối soát ngoài thực địa.
- Thửa đất trên bản vẽ này được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1) có diện tích là : 28748 m², mục đích sử dụng là: SKK Toàn bộ diện tích thửa đất nằm trong quy hoạch đất Khu công nghiệp. (Theo Bản đồ điều chỉnh chi tiết xây dựng Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1 tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt tại quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2009 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)
- Bản vẽ này chỉ thể hiện ranh, hình thể, diện tích thửa đất theo yêu cầu của ông (bà): Choi Young Don - Tổng Giám đốc Công ty TNHH TaeYang Sài Gòn tại hợp đồng số 73/2010 HĐ KTĐCND ngày 10 tháng 05 năm 2010.
- Việc xác định linh pháp lý về Quyền sử dụng đất và mục đích SDB (loại đất) do các cơ quan có thẩm quyền quyết định.

SKK 17 : Loại đất Số thửa
28748 Diện tích

CƠ QUAN THỰC HIỆN : TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐỊA CHÍNH - NHÀ ĐẤT ĐỒNG NAI

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐỒNG NAI

Ngày tháng năm 2010
Người vẽ : Nguyễn Hồng Thúy
Người kiểm tra: Huỳnh Tuấn Bình
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

Ngày 19 tháng 5 năm 2010

Ngày 20 tháng 5 năm 2010
Người kiểm tra: Ngô Hữu Hữu
TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT

Ngày 20 tháng 5 năm 2010

K.T. GIÁM ĐỐC
P.GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THẾ BÁCH

TRẦN HỮU PHƯỚC

NGUYỄN ĐỨC THÀNH

NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số chi nhánh: 0900182899-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/05/2018.

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CP 360456

44843

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 17 Tờ bản đồ số: 41
b) Địa chỉ: xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
c) Diện tích: 28748,0m² (bằng chữ: hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi tám phẩy không mét vuông)
 Trong đó: Diện tích được cấp: 28748,0m², Không được cấp: 0,0m²
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 22/01/2048.
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Công ty TNHH một thành viên Phát triển Đô thị và KCN IDICO).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp...

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng chính	6000,0	6000,0	Riêng	Cấp 3	22/01/2048
2. Nhà xưởng bảo trì	5000,0	5000,0	Riêng	Cấp 3	22/01/2048
3. Nhà bảo vệ	49,0	49,0	Riêng	Cấp 4	22/01/2048
4. Nhà xưởng mở rộng	3000,0	3000,0	Riêng	Cấp 3	22/01/2048

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Đồng Nai, Ngày 20. tháng 01. năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

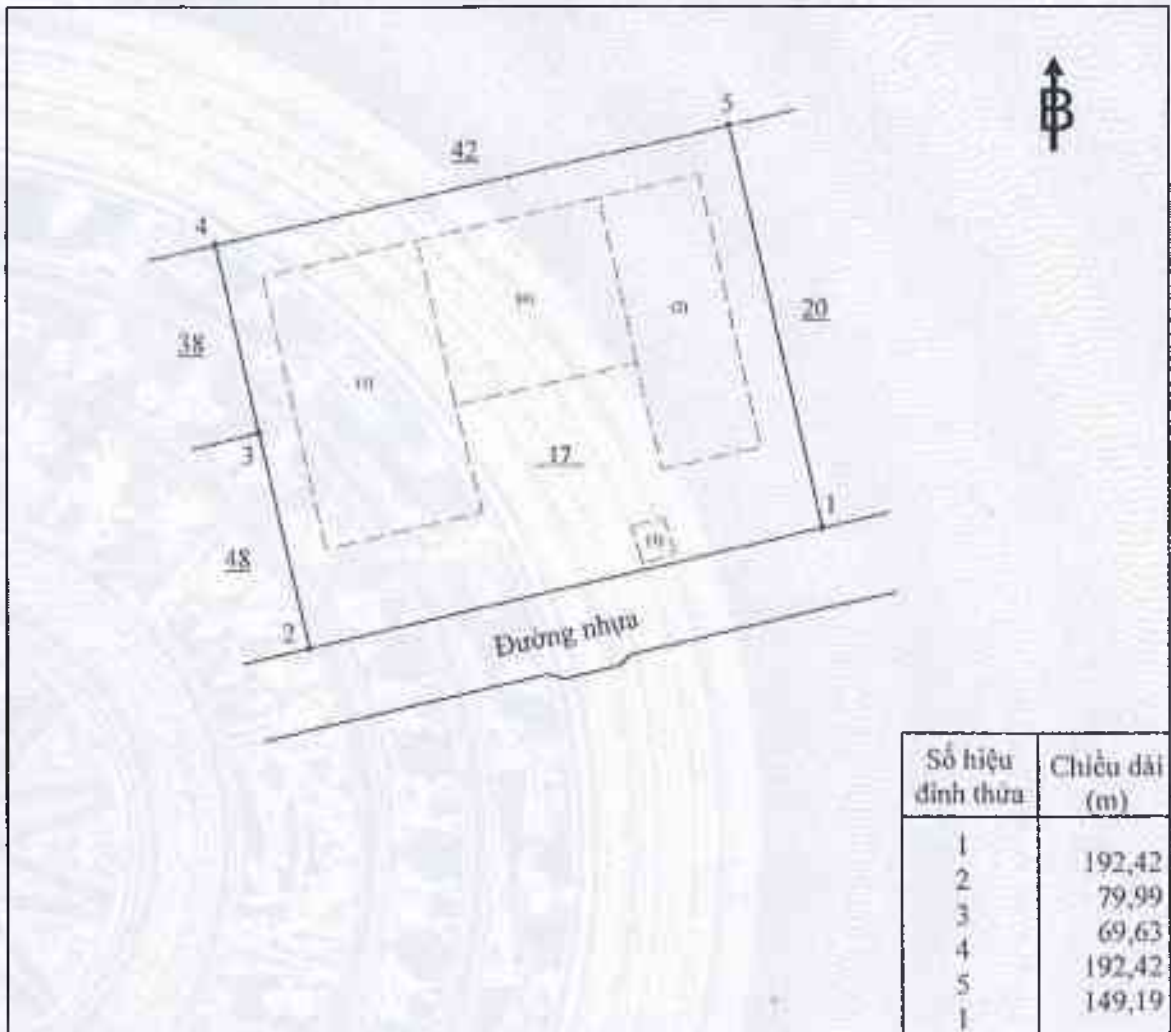


Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 44843

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

ng)



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7E2647015000001

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Trụ sở: KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai

Tel: 061 3560 475 - Fax: 061 3560 477

E_mail: urbizco@hcm.vnn.vn

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
WASTEWATER TREATMENT CONTRACT

CÔNG TY TNHH TAEYANG SAIGON
ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

THÁNG 08/2007

Số: 75 /CT-ĐT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 8 năm 2007

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 01/11/2006 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ văn bản số 72/KCNĐN-QHMT ngày 16/11/2006 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc phê duyệt phí xử lý nước thải cho các nhà máy trong Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ quy định về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-BXD ngày 17/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO

Hôm nay, ngày tháng năm 2007, tại văn phòng Công ty IDICO-URBIZ, các bên tham gia ký bản Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH TAEYANG SAIGON

(Bên thuê xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : Fax:

Mã số thuế : 3600891032

Đại diện : Ông Choi Young Don Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

(Bên nhận xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 061.3560475 Fax: 061.3560477

Mã số thuế : 3600257771.

Số tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng : 670.10.000.000.129

Tài khoản ngoại tệ : 670.10.37.000.321.0

Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai

Đại diện : Ông Trịnh Hùng Lâm Chức vụ : Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây: *Được*

Điều 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận và xử lý nước thải công nghiệp (sản xuất và sinh hoạt) cho Bên A đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép của Nhà nước Việt Nam (cột B, TCVN 5945-2005, áp dụng hệ số $K_p = 1,1$ và hệ số $K_r = 1,0$)

Điều 2: PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.

2.1. Phí xử lý nước thải:

2.1.1 Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT là **0,28USD/m³** nước thải. Mức phí này được giữ ổn định đến hết năm 2010. Sau thời hạn này phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh lại để phù hợp với tình hình thực tế Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động sản xuất.

2.1.2 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thoả thuận khác trước khi thực hiện.

2.2. Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi trên hoá đơn trả tiền nước cho nhà máy của Bên A.

2.3. Phương thức và thời hạn thanh toán:

2.3.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Trong trường hợp Bên A thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khoản sẽ do Bên A thanh toán.

2.3.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B.

2.3.3 Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng công bố vào thời điểm thanh toán.

2.3.4 Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định tại mục 2.3.2, Bên B có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A cho đến khi Bên A thanh toán hết nợ cho Bên B. Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho số tiền trả chậm. Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của Bên A trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải.

Điều 3 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- 3.1.1 Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định trong Điều 2 của Hợp đồng này.
- 3.1.2 Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN không được vượt quá giá trị quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này.
- 3.1.3 Bên A phải tách triệt để hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp theo điểm chỉ dẫn của Bên B và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản kỹ thuật số đã được hai bên ký ngày / /2007.
- 3.1.4 Không xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp.
- 3.1.5 Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất.
- 3.1.6 Tạo điều kiện cho Bên B kiểm tra chất lượng nước thải từ Nhà máy Bên A trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- 3.2.1 Thực hiện việc xử lý nước thải như quy định tại Điều 1.
- 3.2.2 Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi quy định của Hợp đồng này.

Điều 4 : XỬ LÝ VI PHẠM

- Nếu Bên A vi phạm một trong các quy định tại khoản 3.1.2, 3.1.3, 3.1.4, 3.1.5 của Điều 3, Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và Bên A phải khắc phục. Sau 15 ngày mà Bên A không chấp hành thì Bên B ra thông báo lần 2, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà Bên A vẫn không chấp hành thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải đồng thời ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A.
- Trường hợp Bên A vi phạm một trong các quy định trên mà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên B tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không chấp hành, Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và ngưng cung cấp nước sạch; đồng thời Bên A bị xử lý theo quy định của pháp luật và phải thanh toán cho Bên B chi phí phát sinh do những vi phạm đó gây ra.

Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng nước thải của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời gian Bên B ngưng tiếp nhận nước thải;

Điều 5 THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng xử lý nước thải này được tính kể từ ngày ký đến ngày 22/1/2048.

Điều 6 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- 6.1.1 Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này
- 6.1.2 Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 3.1 của Hợp đồng này.
- 6.1.3 Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

6.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

Điều 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung phải được hai bên chấp thuận bằng văn bản.
- 7.2 Hợp đồng này được lập thành lập 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) bản tiếng Anh có giá trị như nhau. Bên A giữ 2 (hai) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.
- 7.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHOI YOUNG DON
General Director

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIAM ĐỐC
PHẦN ĐIỀU 6

PHỤ LỤC SỐ 1

(Kèm theo Hợp đồng số 75 /CT-DT)

TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP XẢ VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm

TT	Các thông số	ĐVT	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH		5-9
3	BOD5(20 °C)	mg/l	200
4	COD	mg/l	500
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (IV)	mg/l	0,05
11	Crom (III)	mg/l	0,2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ thực vật	mg/l	20
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phot pho hữu cơ	mg/l	0,5
19	Phot pho tổng số	mg/l	6
20	Sắt	mg/l	5
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	Amoniac (tính theo Nitơ)	mg/l	10
27	Florua	mg/l	5
28	Phenola	mg/l	1
29	Sunfua	mg/l	1
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Coliform	MPN/100ml	10.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
34	Màu, Pt-Cobalt ở pH=7	Pt-Cobalt	300



Handwritten signature or mark at the bottom right of the page.

Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 2009

Số: 96 /CT-ĐT

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 01/7/2006 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ quy định về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Căn cứ Hợp đồng Xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007 giữa Công ty TNHH một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO và Công ty TNHH Taeyang SaiGon;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, tại văn phòng Công ty IDICO-URBIZ, các bên tham gia ký bản Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

I. BÊN A (Bên thuê xử lý):

CÔNG TY TNHH TAE YANG SAIGON

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0613.569.245/54 - Fax: 0613.560247

Mã số thuế : 3600891032

Đại diện : Ông Choi Young Don

Chức vụ : Tổng giám đốc

II. BÊN B (Bên nhận xử lý):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

(Viết tắt IDICO-URBIZ)

Trụ sở : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai.

Điện thoại : 84.61.3560475 - Fax: 84.61.3560477

Mã số thuế : 3600257771

Email : urbizco@hcm.vnn.vn

Tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng số : 670.10.000.000.129

Tài khoản ngoại tệ số : 670.10.37.000.321.0.

Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai.

Đại diện : Ông Cao Bá Học - Chức vụ : Phó Giám đốc. Theo giấy uỷ quyền số 93/GUQ-CT ngày 19 tháng 12 năm 2008

Hai bên thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Bổ sung mức thu phí nước thải

Bổ sung khoản 2.4 của Điều 2 của Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007 như sau:

“2.4. Mức thu phí nước thải:

2.4.1. Trường hợp nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 không vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Phụ lục này (gọi tắt là Bảng Phụ lục 1), mức thu phí nước thải áp dụng như sau:

$$G = Q \times g$$

G : Mức thu phí nước thải trong trường hợp chất lượng nước thải đạt quy định trong Phụ lục 1.

Q : Lượng nước thải tính phí

g : Phí xử lý nước thải

2.4.2. Trường hợp nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1, riêng nồng độ của một trong số các chất ô nhiễm trong Nhóm 1 tại Phụ lục 2 kèm theo phụ lục này (gọi tắt là Bảng Phụ lục 2) vượt 5% giới hạn quy định tại Phụ lục 1 mức thu phí nước thải được áp dụng như sau:

$$G_{ps} = F + P$$

G_{ps} : Mức thu phí nước thải khi nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giới hạn quy định

F : Chi phí xử lý nước thải phát sinh

P : Chi phí phân tích mẫu

Trong đó:

$$F = G \times K_{max}$$

F : Mức thu phí nước thải trong trường hợp chất lượng nước thải đạt quy định trong Phụ lục 1.

K_{max} : Hệ số lớn nhất trong các hệ số tương ứng với chỉ tiêu vượt quy định (áp dụng tại Phụ lục 2)”

Điều 2: Điều chỉnh phương thức thanh toán

Điều chỉnh mục 2.3.3 của khoản 2.3 của điều 2 của Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007 như sau:

“ Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá bán USD do ngân hàng Vietcombank công bố vào thời điểm thanh toán”.

Điều 3:

Bổ sung mục 3.1.7 của khoản 3.1 của Điều 3 của Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007 như sau:

“3.17 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 của Phụ lục hợp đồng xử lý nước thải này thì Bên A phải thông báo cho Bên B trước bằng văn bản ít nhất 3 tháng để có những thoả thuận khác trước khi thực hiện”.

Điều 4 Điều khoản thay thế

Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm tại Bảng Phụ lục số 1 đính kèm phụ lục này thay thế cho nội dung của Phụ lục số 1 đính kèm Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007.

Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007.

Các điều khoản không được sửa đổi, bổ sung trong bản phụ lục này sẽ được thực hiện đúng theo các điều khoản của Hợp đồng Xử lý nước thải số 75/CT-ĐT ngày 09/8/2007.

Điều 5

Phụ lục này được lập thành 07 bộ, mỗi bộ gồm 1 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 03 bộ, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 bộ.

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Cao Bá Học

PHỤ LỤC 1

QUY ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP XẢ VÀO HỆ THỐNG
THOÁT NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH I

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn quy định
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	6 - 8
3	Màu sắc (ở pH=7)	Pt-Co	300
4	Mùi	-	Không khó chịu
5	BOD ₅	mgO ₂ /l	300
6	COD	mgO ₂ /l	500
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
8	Photpho tổng số	mg/l	8
9	Tổng nitơ	mg/l	60
10	Nitơ Amonia	mg/l	15
11	Xianua	mg/l	0.1
12	Arsen	mg/l	0.1
13	Thủy ngân	mg/l	0.01
14	Cadmi	mg/l	0.01
15	Chì	mg/l	0.5
16	Crom (VI)	mg/l	0.1
17	Crom (III)	mg/l	1
18	Đồng	mg/l	5
19	Kẽm	mg/l	5
20	Mangan	mg/l	5
21	Niken	mg/l	0.5
22	Sắt	mg/l	10
23	Thiếc	mg/l	5
24	Clorua	mg/l	500
25	Florua	mg/l	15
26	Phenol	mg/l	1
27	Sulfua	mg/l	1
28	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
29	Dầu động thực vật	mg/l	20
30	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ	mg/l	1
31	Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ	mg/l	0.1
32	PCBs	mg/l	0.01
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0.1
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

PHỤ LỤC 2
HỆ SỐ ẢNH HƯỞNG KHI CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI VƯỢT
QUY ĐỊNH TẠI BẢNG PHỤ LỤC 1

ST T	Thông số	Phân loại nhóm ô nhiễm	Hệ số ảnh hưởng K
1	Nhiệt độ	Nhóm 1	1,2
	Mùi		
	BOD ₅		
	COD		
	Chất rắn lơ lửng		
	Photpho tổng số		
	Tổng nitơ		
	Nitơ Amonia		
2	Màu sắc (ở pH=7)	Nhóm 2	1,4
	pH		
	Mangan		
	Sắt		
	Clorua		
3	Florua	Nhóm 3	1,6
	Dầu mỡ khoáng		
	Dầu động thực vật		
	Xianua		
	Arsen		
	Thủy ngân		
	Cadmi		
	Chì		
	Crom (VI)		
	Crom (III)		
4	Đồng	Nhóm 4	1,8
	Kẽm		
	Niken		
	Thiếc		
	Phenol		
	Sulfua		
	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ		
Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ			
PCBs			
Tổng hoạt độ phóng xạ α			
Tổng hoạt độ phóng xạ β			

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 402/QĐ-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ)” của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 16/03/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo văn bản số 1912/KCNĐN-MT ngày 02/7/2020 của Ban quản lý các KCN về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Taeyang Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ)” tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 3011/2020.TYS ngày 30/11/2020 của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Số 26, đường 2A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ĐT: (0251) 3893699 - 3892378

Fax: (0251) 3892379

Email: bqikcn@dongnai.gov.vn; diza@diza.vn Website: http://diza.dongnai.gov.vn

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ)” (sau đây gọi tắt là Dự án) của Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 969/QĐ-UBND ngày 28/3/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai đã cấp cho Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 1891/STNMT-CCBVMT ngày 20/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc thay đổi chủ dự án “Nhà máy sản xuất đồ dùng nhà bếp, bàn ăn bằng thép không gỉ” tại KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- UBND tỉnh (đề b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Cty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Website BQL;
- Lưu VT, MT (Tuyệt).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phó Văn Danh

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Nhà máy sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ)”
(Kèm theo Quyết định số 462/QĐ-KCNĐN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Chủ dự án: Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam.

1.2. Vị trí: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Diện tích: 28.748 m².

1.4. Quy mô, công suất của dự án:

Sản xuất bộ đồ dùng bàn ăn, bộ đồ dùng nhà bếp bằng thép không gỉ, công suất 22.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 4.000 tấn sản phẩm/năm (có bổ sung công đoạn đánh bóng điện hóa và sơn phủ).

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án:

- Quy trình sản xuất như sau:

+ Quy trình sản xuất sản phẩm thô: Nguyên liệu là thép không gỉ → Vuốt tạo hình lần 1 → (xử lý nhiệt → Vuốt tạo hình lần 2) – chỉ áp dụng đối với những sản phẩm gắn đáy → Cắt biên dạng → Rửa sản phẩm → đánh bóng khô → Lắp ráp, kiểm tra → Đóng gói.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm có đánh bóng điện hóa: Nguyên liệu là thép không gỉ → Vuốt tạo hình lần 1 → (xử lý nhiệt → Vuốt tạo hình lần 2) – chỉ áp dụng đối với những sản phẩm gắn đáy → Cắt biên dạng → Rửa sản phẩm → đánh bóng điện hóa → Lắp ráp, kiểm tra → Đóng gói.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm có sơn phủ: Nguyên liệu là thép không gỉ → Vuốt tạo hình lần 1 → (xử lý nhiệt → Vuốt tạo hình lần 2) – chỉ áp dụng đối với những sản phẩm gắn đáy → Cắt biên dạng → Rửa sản phẩm → đánh bóng điện hóa → sơn → đánh bóng khô → Lắp ráp, kiểm tra → Đóng gói.

- Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất là thép không gỉ (Inox 201, Inox 304, Inox 316, Inox 430).

1.6. Các hạng mục công trình của dự án:

- Diện tích các công trình xây dựng: Nhà xưởng chính, nhà xưởng bảo trì, nhà xưởng mở rộng, nhà xưởng mở rộng 2, nhà bảo vệ, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà để xe, nhà vệ sinh, xưởng cơ khí, nhà đặt máy nén khí, nhà kho, trạm điện, nhà vệ sinh, khu xử lý nước thải, khu xử lý khí thải, khu vực lưu giữ chất thải thông thường, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích: 16.679,57 m²;

- Diện tích đất giao thông, sân bãi: 6.318,83 m²

- Diện tích cây xanh: 5.749,6 m² (chiếm tỷ lệ 20 %).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước thải từ quá trình rửa sản phẩm, đánh bóng điện hóa và hệ thống xử lý khí thải.

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, vệ sinh cá nhân của công nhân viên.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, từ công đoạn đánh bóng khô, từ quá trình sơn phủ.

- Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, từ quá trình sản xuất (vụn thép, bụi từ công đoạn đánh bóng khô, bao nylon, giấy vụn; sản phẩm bị lỗi,...).

- Chất thải nguy hại: Phát sinh từ quá trình sản xuất và văn phòng (các loại bao bì, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu, hộp mực in thải, bùn thải từ HTXL nước thải, bụi sơn, hạt nhựa trao đổi ion và dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình,...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải từ quá trình rửa sản phẩm, dây chuyền đánh bóng điện hóa và hệ thống xử lý khí thải: Lưu lượng 24,4 m³/ngày.đêm. Thành phần: Cặn lơ lửng, dung dịch axit và một số kim loại nặng,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt: Lưu lượng 33,75 m³/ngày.đêm. Thành phần: các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (BOD, COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

- Bụi kim loại phát sinh từ khâu đánh bóng khô.

- Bụi sơn từ công đoạn sơn phủ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên với khối lượng 2.340 kg/tháng. Thành phần: bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn không nguy hại từ quá trình hoạt động sản xuất với khối lượng khoảng 50,88 tấn/năm. Thành phần: Vụn thép, bụi từ công đoạn đánh bóng khô, bao bì, sản phẩm lỗi,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động sản xuất với khối lượng 5.152,3 kg/năm. Thành phần: các loại bao bì, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu, hộp mực in thải, bùn thải từ HTXL nước thải, bụi sơn, hạt nhựa trao đổi ion, dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Xây dựng tách riêng tuyến thoát nước mưa, nước thải. Hệ thống thoát nước mưa đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch I tại 01 hồ ga trên đường số 2.

- Nước thải sản xuất từ quá trình rửa sản phẩm, nước thải từ dây chuyền đánh bóng điện hóa và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 30 m³/ngày.đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý và nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I tại 01 hồ ga trên đường số 2.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 30 m³/ngày.đêm như sau: Nước thải sản xuất → bể chứa tập trung → thiết bị trộn tĩnh → thiết bị chuyển hóa trị kim loại → thiết bị chỉnh pH → thiết bị phản ứng khử kim loại → thiết bị keo tụ → thiết bị tạo bông kết hợp lắng → bồn trung gian → thiết bị lọc hấp phụ → thiết bị trao đổi ion → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Bố trí vị trí đầu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của KCN đã được phê duyệt trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt 03 hệ thống xử lý bụi công đoạn đánh bóng khô, công suất 10.000 m³/h/hệ thống (Khí thải từ 03 dây chuyền đánh bóng được thu gom về xử lý tại 03 cyclon, sau đó thu gom chung về 01 bể lọc nước và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thải). Quy trình xử lý như sau: Bụi phát sinh → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Cyclon → Bể lọc nước → Ống thải.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi sơn phát sinh tại công đoạn sơn phủ, công suất 10.000 m³/h. Quy trình xử lý như sau: Bụi sơn → Quạt hút → Cyclon → Bể lọc nước → Ống khói.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_v = 0,8; K_p theo lưu lượng thải).

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

tại các khu vực có phát sinh, thu gom về khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt và khu vực chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 80 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 20 m², có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn, mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (tại khu chứa chất thải,...) theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 03 hệ thống xử lý bụi, công suất 10.000 m³/h/hệ thống (Bụi từ 03 dây chuyền thu gom về 03 cyclon, sau đó thu gom chung về 01 bể lọc nước và thoát ra môi trường qua 01 ống khói).

- 01 hệ thống xử lý bụi sơn công đoạn sơn phủ, công suất 10.000 m³/h.

- 05 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích khoảng 130 m³.

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 30 m³/ngày.đêm.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích: 80m².

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích: 20m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm.

5.1.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí và tần suất: theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, crom, niken, mangan.

- Quy chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN đã được phê duyệt.

5.1.2. Chương trình giám sát khí thải bụi từ công đoạn đánh bóng khô:

- Vị trí giám sát: khí thải trước và sau hệ thống xử lý bụi.

- Số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v = 0,8; K_p theo lưu lượng thải)

5.1.3. Chương trình giám sát bụi sơn từ công đoạn sơn phủ:

- Vị trí giám sát: khí thải trước và sau hệ thống xử lý bụi sơn.

- Số lượng mẫu và tần suất giám sát: theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v = 0,8; K_p theo lưu lượng thải).

5.1.4. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu vực, thiết bị lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định căn cứ: Nghị định 38/2015 ngày 24/04/2015 của Chính phủ về chất thải rắn và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải:

- Vị trí: tại hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Tần suất giám sát (lấy mẫu định kỳ): 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, crom, niken, mangan.

- Quy chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN đã được phê duyệt.

5.2.2. Chương trình giám sát khí thải:

- Vị trí: ống thải sau các hệ thống xử lý bụi.

- Tần suất giám sát (lấy mẫu định kỳ): 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát:

+ Đối với khí thải bụi phát sinh từ công đoạn đánh bóng khô: Lưu lượng, bụi.

+ Đối với khí thải bụi sơn từ công đoạn sơn phủ: Lưu lượng, bụi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_v = 0,8$; K_p theo lưu lượng thải).

5.2.3. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu vực, thiết bị lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định căn cứ: Nghị định 38/2015 ngày 24/04/2015 của Chính phủ về chất thải rắn và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 14/04/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn lắp đặt thiết bị của dự án:

- Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành dự án:

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Đảm bảo diện tích cây xanh đạt tỷ lệ tối thiểu 20% theo quy định.

6.3. Trong giai đoạn vận hành dự án:

- Thực hiện và gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cho Ban Quản lý các KCN để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 7, 8, 9 và 10, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt) và khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (quy định đối với Dự án đã đi vào vận hành có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt).

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

3.1

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219 /SĐK-CCBVMT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 75.000572.T
(Cấp lần 03)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn.

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.569.254 Fax: 0613.569.825

Tài khoản số: 0401000062213 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Nhơn Trạch.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh mã số doanh nghiệp 472043000140 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 22/5/2007.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế sổ đăng ký có mã số QLCTNH 75.000572.T cấp lần 02 ngày 18/11/2012)./V

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Sở TN&MT (báo cáo);
- Phòng DK TNMT (phối hợp);
- Chi cục Trưởng, các Phó Chi cục Trưởng;
- Lưu: VT, KSON.3b

E:\lan\2014\So CNC\N\Taeyang\SO-bia.doc



Trần Trọng Toàn



(Kèm theo Sổ đăng ký chất thải có mã số QLCTNH 75.000572.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 03 ngày 31 tháng 7 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn.

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.569.254

Fax: 0613.569.825

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh mã số doanh nghiệp 472043000140 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 22/5/2007.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Bùn	150.000	07 03 07
2	Hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	300	16 01 06
4	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	2.400	17 06 01
5	Bao bì mềm thải	Rắn	7.200	18 01 01
6	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	24.000	18 02 01
	Tổng số lượng		183.910	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	12.000
2	Nhóm giấy/nhựa: Carton, giấy vụn phòng, plastic không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	32.000
3	Nhóm kim loại và hợp kim: Vụn thép phế liệu	Rắn	300.000
4	Nhóm gỗ: Pallet gỗ	Rắn	6.000
	Tổng số lượng		350.000

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;
- Bản sao Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 28/3/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ dùng nhà bếp, bàn ăn bằng thép không gỉ, công suất 4.000 tấn/năm tại KCN Nhơn Trạch 1 của Công ty TNHH Taeyang Sài Gòn.
- Bản sao Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 2S/SĐK-CCBVMT ngày 18/7/2012 của Chi cục Bảo vệ môi trường.
- Văn bản giải trình./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 135/CT-QLDA ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO về việc bổ sung chỉnh sửa báo cáo cấp giấy phép môi trường cho Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, địa chỉ đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, diện tích 426,49 ha” có địa chỉ xã Phước Thiện, xã Phú Hội, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, xã Phú Hội, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600257771 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/6/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 11/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 3600257771.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư bao gồm: Sản xuất, sửa chữa container, rơ móc; sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô; chế tạo máy móc, thiết bị công cụ; chế tạo và sửa chữa cơ khí, cán thép; sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp; sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (trừ chế biến mù cao su); sản xuất các sản phẩm nhựa; sản xuất vali túi xách, yên đệm và các loại tương tự; sản xuất hàng mỹ nghệ; sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các sản phẩm phi kim loại; sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất đồ kim hoàn các chi tiết liên quan; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao; sản xuất đồ chơi; sản xuất sứ vệ sinh; sản xuất bóng đèn, phích

nước; sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy; sản xuất, chế biến thực phẩm; đồ uống không cồn; kho chứa phân bón; kho chứa hóa chất; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất các trang thiết bị điện, điện tử; sản xuất linh kiện điện, điện tử; sản xuất điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học; sản xuất bê tông nhựa nóng; gạch men; dệt, sợi; may quần áo; may giày; sản xuất văn phòng phẩm; sản xuất bao bì giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất bao bì carton, sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây, cáp điện; sản xuất chế biến gỗ; sản xuất dăm gỗ; sản xuất ván ép; sản xuất dược phẩm, thuốc thú y; sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; sản xuất thuốc lá điếu; chế biến nguyên liệu thuốc lá; sản xuất tấm lợp ô tô các loại; sản xuất mực in, vật liệu ngành in; cơ sở in ấn các loại; cơ sở sản xuất khí CO₂, chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp; cơ sở kinh doanh, chiết xuất, đóng gói dầu nhớt, dầu nhờn; cửa hàng kinh doanh xăng, dầu (DO); sản xuất ốc quy, pin; sản xuất hơi nước, sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi; sản xuất giày, dép và các phụ kiện; sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; sản xuất máy móc, thiết bị chứa đựng phân vào đầu; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; in, sao chép bản ghi các loại; cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn; sản xuất điện mặt trời (hệ thống điện mặt trời mái nhà).

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 426,49 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày 30. tháng 5... năm 2023 đến ngày 29... tháng 5..... năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần (bao gồm: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1897/GP-BTNMT ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 16/GXN-TCMT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Tổng cục Môi trường và các giấy phép môi trường thành phần khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Lưu: VT, KSONMT, G12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải của các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất thương mại Kim Phong và khu nhà ở công nhân khu công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam và Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thái Phong tại Đồng Nai.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động từ khu xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động từ Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ.
- Nguồn số 06: Nước thải từ khu vực văn phòng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Rạch Bà Ký rồi chảy ra sông Thị Vải tại xã Long Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Long Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1186200; Y = 413810.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10.000 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước ra rạch Bà Ký, sau đó ra sông Thị Vải, hình thức xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
27	Sulfua	mg/l	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
29	Hóa chất bảo vệ thực vật: lân hữu cơ	mg/l	1
30	Hóa chất bảo vệ thực vật: clo hữu cơ	mg/l	0,1
31	Tổng PCB	mg/l	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào,

đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. /*ct*

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Cụm máy thổi khí số 01.
- Nguồn số 03: Cụm máy thổi khí số 02.
- Nguồn số 04: Cụm máy thổi khí số 03.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1187694; Y = 410771.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1187687; Y = 410770.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1187635; Y = 410752.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1187614; Y = 410672.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy thổi khí được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kì và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	20
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	60
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
5	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	60
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
-	TỔNG KHỐI LƯỢNG		224

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	472.500
2	Bùn hút hầm cầu, bể tự hoại	1.000
3	Thùng nhựa cứng	1.460
-	TỔNG KHỐI LƯỢNG	474.960

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	67,72
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	67,72

1.4. Chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát khác (như bùn thải...) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng có nắp đậy, bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa có diện tích khoảng: 21 m² và 520 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lợp mái tôn, tường xây gạch, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa có diện tích khoảng: 6 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lợp mái tôn, tường xây gạch, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng có nắp đậy, bao bì.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 841/QĐ-MTg ngày 4/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp I Nhơn Trạch và Quyết định số 2998/QĐ-BTNMT ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án BVMT chi tiết về việc điều chỉnh quy hoạch và bổ sung ngành nghề (sản xuất giấy và các phụ kiện; sản xuất có công đoạn in, nhuộm; sản xuất có công đoạn xi mạ; sản xuất linh kiện, thiết bị công nghiệp; sản xuất hóa chất; sản xuất in ấn bao bì giấy, nhựa) trong Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 cấp cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, với diện tích là 426,49 ha.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.
4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.
5. Bụi, khí thải từ 01 máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 200 kVA), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
6. Diện tích cây xanh phải đảm bảo tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.
7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *tt*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải
Số: 134/2024/HĐXLCT/MTS.K-TY

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 2/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/6/2005.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 3-4-5-6.061.VX của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 07/04/2022.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 15/04/2024 tại văn phòng Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam, đại diện hai bên gồm:

BÊN A : CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế : 0900182899-001

Điện thoại : 02513 686 573

Người đại diện : Ông LEE SANG ROK Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SẠCH VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 2, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Điện thoại : 02543.948 354

Mã số thuế : 3501556403

Người đại diện : Ông NGUYỄN ĐỨC CHUYỀN Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 7620998297 tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Phú Mỹ

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) các loại theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

- Địa điểm giao nhận chất thải tại kho Chi nhánh Đồng Nai Công ty TNHH Taeyang Việt Nam, địa chỉ: Đường số 02, KCN Nhơn Trạch 1, X. Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Địa điểm xử lý: Nhà máy Xử lý chất thải công nghiệp, dầu khí và chất thải nguy hại tại khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký. Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng trao đổi gia hạn hoặc ký mới hợp đồng.

ĐIỀU 4: KHỐI LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

4.1. Khối lượng:

Khối lượng giao nhận được xác định bằng biên bản thu gom trong ngày giao nhận. Đại diện hai bên ký xác nhận khối lượng thực tế trên biên bản giao nhận.

4.2. Đơn giá xử lý chất thải:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VND/Kg)
1	Giẻ lau, bao tay thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	2.800
2	Cặn dầu máy móc, thiết bị thải	Lỏng	17 02 03	2.800
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2.800
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2.800
5	Pin thải	Rắn	16 01 12	2.800
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng/ Rắn	07 03 07	2.800
7	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Lỏng	13 01 02	2.800
8	Chất thải y tế lây nhiễm	Rắn	13 01 01	2.800
9	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	13 01 03	2.800
10	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	2.800
11	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	2.800
12	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	2.800
13	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	2.800
14	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có thành phần nguy hại (ví dụ: đá mài...)	Rắn	07 03 10	2.800
15	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	Rắn	07 03 08	2.800

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý, chưa bao gồm thuế VAT.

- Khối lượng chất thải nguy hại thu gom tối thiểu 2.000 Kg/chuyến. Nếu khối lượng ít hơn 2.000 Kg thì phụ thu thêm chi phí vận chuyển là: 1.000.000 đ/chuyến.

ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản, phí chuyển khoản do bên thanh toán chi trả. Bên A thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn tài chính.
- Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A không thanh toán đủ cho Bên B thì Bên A phải chịu phạt với tỷ lệ 1,2%/tháng đối với phần chưa thanh toán.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Khi có kế hoạch thu gom chất thải, Bên A thông báo qua địa chỉ email: info@mitsvn.vn, hoặc điện thoại qua SDT: 02543.948354 cho Bên B trước 03 ngày làm việc để Bên B có kế hoạch thu gom, vận chuyển chất thải về nơi xử lý.
- Có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu giữ các loại chất thải nguy hại theo quy định.
- Bên A lập 01 bộ chứng từ CTNH gồm 03 liên (theo Thông từ 02/2022/TT-BTNMT) đã được ký tên, đóng dấu mục 6 và chuyển giao cho Bên B sau khi thu gom CTNH.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp địa chỉ email của bộ phận kế toán cho Bên B để Bên B gửi hoá đơn tài chính và công nợ (nếu phát sinh).
- Tạo điều kiện cho Bên B vào địa điểm tập kết chất thải để nhận chất thải được thuận tiện.
- Cam kết bàn giao đúng và đầy đủ các chất thải nguy hại và các vật chứa nhiễm chất thải cho Bên B, không để thất thoát ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.
- Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến công tác an toàn trong quá trình làm việc.
- Cử cán bộ có chuyên môn phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan với Bên B. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí thực hiện theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.
- Không được giao chất thải cho đơn vị khác trong thời gian hợp đồng này còn hiệu lực.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Khi nhận được yêu cầu thu gom chất thải, Bên B phải lập kế hoạch thu gom vận chuyển trong vòng 03 ngày làm việc.

~~Chịu trách nhiệm vận chuyển chất thải của Bên A tới kho lưu giữ và xử lý tại nhà máy của Bên B.~~

- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành quy định tại nơi làm việc của Bên A. Thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A. Nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện của Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường hoặc xử lý không đúng quy định sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận việc vận chuyển và xử lý số chất thải đã bàn giao. Sau đó giao lại Chứng từ đã xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định cho Bên A.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Thời gian thu gom chất thải nguy hại sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên bằng văn bản hoặc điện thoại.
- Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải có lý do chính đáng và phải báo trước cho bên còn lại bằng văn bản trong thời hạn tối thiểu 30 ngày.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí tòa án do bên có lỗi chi trả.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lưu Sơn Phát

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Chuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc

Căn cứ bộ luật dân sự 91/2015/QH2013, ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng Hòa XHCN Việt nam

Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa XHCN Việt nam và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành,

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ nh câu và khả năng thực hiện của 2 bên

Hôm nay ngày:

Bên A: CN ĐỒNG NAI CTY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, X. Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- MST: 0900182899-001
- Điện thoại: 0613. 569 254 Fax: 0613. 569 825
- Người đại diện: Ông LEE SANG ROK Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CTY TNHH MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG HIỆP

- Địa chỉ: 129A, tổ 10, KP3, Thị Trấn Trảng Bom, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai, Việt Nam
- MST: 3603699961
- Người đại diện: NGUYỄN HOÀNG HIỆP Chức vụ: Giám đốc
- Số điện thoại: 0918 208 969

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau:

Điều 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ:

1.1 Bên B nhận thu gom toàn bộ rác thải cho bên A tại:

- CN ĐỒNG NAI CTY TNHH TAEYANG VIỆT NAM (Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, X. Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai, VN)
- ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CN ĐỒNG NAI CTY TNHH TAEYANG VIỆT NAM (Đường số 3B, KCN Nhơn Trạch 1, TT Hiệp Phước, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai, VN)

1.2 Phương tiện lưu chứa rác: Bên A tự trang bị

1.3 Phương tiện và thời gian thu gom rác: bên B có trách nhiệm thu gom rác theo yêu cầu của bên A (qua Điện thoại hoặc Fax) bằng phương tiện chuyên chở do bên b tự sắp xếp.

Điều 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá trị hợp đồng: 12,000,000 đồng/ Tháng (Đơn giá chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

2.2 Phương thức thanh toán:

- Bằng hình thức chuyển khoản



Handwritten signature

- 30 ngày sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ bên A

Điều 3: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có giá trị từ ngày 01/03/2024 đến 28/02/2025

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Chứa rác vào bao nylon hoặc bao chứa rác chuyên dụng, thực hiện về phân loại rác tại nguồn
- Nơi lưu chứa phải thuận tiện cho bên B vào thu gom
- Thanh toán phí thu gom đúng hạn theo điều 2.2 của hợp đồng này

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận rác thải theo thông báo của bên A
- Phương tiện vận chuyển được trang bị đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo thu gom sạch sẽ rác thải rơi vãi sau khi thu gom.
- Sau khi thu gom sẽ vận chuyển về đúng nơi tiếp nhận và xử lý theo qui định.
- Bên B phải đảm bảo thu gom và xử lý rác thải của bên A đúng theo qui định của pháp luật.
- Bên B phải cam kết chấp hành yêu cầu của luật hiện hành và tiêu chuẩn khách hàng của bên A. Bên B không được từ chối bên A đến thăm cơ sở khi bên A có yêu cầu.
- Nếu bên A phát hiện bên B có hành vi vi phạm pháp luật và từ chối khách hàng của bên A thì bên A được quyền dừng hợp tác kinh doanh ngay lập tức mà không chịu sự bồi thường hay trách nhiệm pháp lý nào.

Điều 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi và 1 trong 2 bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải báo cho bên còn lại trước 30 ngày.
- Khi hợp đồng hết hạn, nếu hai bên có nhu cầu sẽ cùng nhau bàn bạc, thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi 2 bên hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của mình.
- Hợp đồng được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị như nhau.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ
ECONOMIC CONTRACT**

Số 2024-02/HĐKT/ TYVN-KT

Nhon Trach, ngày 01 tháng 10 năm 2024

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Base on two parties demand and ability

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH Taeyang Viet Nam, đại diện hai bên chúng tôi gồm có:

Today, October 1st, 2024, at the office of Taeyang Viet Nam Co., Ltd, we are here under includes:

Bên A: CN ĐỒNG NAI CTY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Party A: DONG NAI BRANCH OF TAEYANG VINA CO., LTD

- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch, Đồng Nai

Address: No. 2, Nhon Trach I IZ, Nhon Trach, Dong Nai

- Mã số thuế: 0900182899-001

Tax code: 0900182899-001

- Điện thoại: 0613. 569 254

Fax: 0613. 569 825

Tel: 0613.569254

Fax: 0613.569825

- Người đại diện: Ông LEE SANG ROK Chức vụ: Giám Đốc

Representative: Mr. LEE SANG ROK Position: Manager

Bên B: CTY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KIM THÀNH

Party: KIM THANH ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ: Số 136, khu phố 12, Đường Trần Thị Hoa, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Address: No. 136, 12th Town, Tran Thi Hoa Street, An Binh Ward, Bien Hoa, Dong Nai.

- Mã số thuế: 3603291280

Tax code: 3603291280

- Người đại diện: PHẠM THỊ HƯỜNG

Chức vụ: Giám đốc

Representative: PHAM THI HUONG

Position: Manager

Hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế theo các điều khoản sau đây:

Both sides are jointly negotiating and agree to sign on the agreement in accordance with the following clauses:

Điều 1: Nội dung

Article 1: Details

- Quy cách / *Goods description*

Stt	Tên hàng/ <i>Goods description</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Vnd/ Kg
1	Sắt vụn, sắt máy thanh lý/ <i>Waste iron</i>	Kg	Theo giá thị trường
2	Bazo	Kg	7,000
3	Nylon	Kg	10,000
4	Giấy vụn	Kg	2,500

- **Số lượng:** Theo nhu cầu của bên A và thực tế từng lần phát sinh
Quantity: According to real selling quantity

Điều 2: Địa điểm giao nhận hàng và Hình thức thanh toán

Article 2: Delivery and Payment term:

- Địa điểm: Tại kho bên A.
Place: Party A warehouse.
- Chi phí vận chuyển do bên B chịu.
Transportation expenses are covered by party B.
- Thanh toán:
Payment:
- Bên B sẽ đặt cọc 1 phần trước khi lấy hàng, và thanh toán hết tiền hàng sau khi hoàn thành việc cân và mang hàng ra khỏi công ty.
Party B will deposit before getting goods, and pay the balance after weighting and bringing goods out of company.
- Tiền hàng sẽ được chuyển khoản theo thông tin như sau:
Sales amount will be paid for party A according to the following information:

Tên tài khoản: CN ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Account name:

Số tài khoản: 0401000062213 tại Ngân hàng Vietcombank CN Nhơn Trạch

Account number:

032912
CÔNG TY
Ớ PHẢI
(TRƯỚC)
THÂN
CÔNG TY

Điều 3: Trách nhiệm của các bên

Article 3: Responsibilities

a. Trách nhiệm của bên A:

Party A:

- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho bên B khi đến nhận hàng

Party A will well support for party B when getting goods at company

- Xuất hóa đơn tài chính cho bên B theo số lượng thực tế cân hàng.

Issue red invoice according to actual weight

b. Trách nhiệm của bên B:

Party B:

- Bố trí thời gian và xe nhận phế liệu theo yêu cầu quy định của bên A.

Arrange time and truck to pick up goods as required by party A.

- Bảo đảm tính công bằng và trung thực trong quá trình thực hiện hợp đồng. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu có hành vi gian lận.

Ensure fairness and fairness during the implementation of the contract. Comply with all applicable laws and regulations.

Điều 4: Cam kết chung

Article 4: General term:

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

The contract is made in two copies, 01 copy for each party with the same value.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký 01/10/2024 đến hết ngày 30/09/2025.

This contract has valid from 01/10/2024 to 30/09/2025

Đại diện Bên A 



LIE SANG ROK

Đại diện Bên B 



PHAM THU HUONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ ECONOMIC CONTRACT

Số 2024-01/HĐKT/ TYVN-KT

Nhon Trach, ngày 01 tháng 10 năm 2024

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;
Base on two parties demand and ability*

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH Taeyang Viet Nam, đại diện hai bên chúng tôi gồm có:

Today, October 1st, 2024, at the office of Taeyang Viet Nam Co., Ltd, we are here under includes:

Bên A: CN ĐỒNG NAI CTY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Party A: DONG NAI BRANCH OF TAEYANG VINA CO., LTD

- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Address: No. 2, Nhon Trach I IZ, Nhon Trach, Dong Nai
- Mã số thuế: 0900182899-001
Tax code: 0900182899-001
- Điện thoại: 0613. 569 254 Fax: 0613. 569 825
Tel: 0613.569254 Fax: 0613.569825
- Người đại diện: Ông LEE SANG ROK Chức vụ: Giám Đốc
Representative: Mr. LEE SANG ROK Position: Manager

Bên B: CTY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG KIM THÀNH

Party: KIM THANH ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ: Số 136, khu phố 12, Đường Trần Thị Hoa, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
Address: No. 136, 12th Town, Tran Thi Hoa Street, An Binh Ward, Bien Hoa, Dong Nai.
- Mã số thuế: 3603291280
Tax code: 3603291280
- Người đại diện: PHẠM THỊ HƯƠNG Chức vụ: Giám đốc
Representative: PHAM THI HUONG Position: Manager

Hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế theo các điều khoản sau đây:

Both sides are jointly negotiating and agree to sign on the agreement in accordance with the following clauses:

Điều 1: Nội dung

Article 1: Details

- Quy cách / *Goods description*

Stt	Tên hàng/ <i>Goods description</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>
1	Phế liệu inox các loại từ sản xuất (Stainless steel scrap from production)	Kg
2	Phế liệu nhôm (Aluminium scrap)	Kg

- **Đơn giá:** Theo giá thị trường tại thời điểm mua bán.
Unit price: According to the market price at the time of purchase.
- **Số lượng:** Theo nhu cầu của bên A và thực tế từng lần phát sinh
Quantity: According to real selling quantity

Điều 2: Địa điểm giao nhận hàng và Hình thức thanh toán

Article 2: Delivery and Payment term:

- Địa điểm: Tại kho bên A.
Place: Party A warehouse.
- Chi phí vận chuyển do bên B chịu.
Transportation expenses are covered by party B.
- Thanh toán:
Payment:
- Bên B sẽ đặt cọc 1 phần trước khi lấy hàng, và thanh toán hết tiền hàng sau khi hoàn thành việc cân và mang hàng ra khỏi công ty.
Party B will deposit before getting goods, and pay the balance after weighting and bringing goods out of company.
- Tiền hàng sẽ được chuyển khoản theo thông tin như sau:
Sales amount will be paid for party A according to the following information:

Tên tài khoản: CN ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Account name:

Số tài khoản: 0401000062213 tại Ngân hàng Vietcombank CN Nhơn Trạch

Account number:

CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

Điều 3: Trách nhiệm của các bên

Article 3: Responsibilities

a. Trách nhiệm của bên A:

Party A:

- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho bên B khi đến nhận hàng

Party A will well support for party B when getting goods at company

- Xuất hóa đơn tài chính cho bên B theo số lượng thực tế cân hàng.

Issue red invoice according to actual weight

b. Trách nhiệm của bên B:

Party B:

- Bố trí thời gian và xe nhận phế liệu theo yêu cầu quy định của bên A.

Arrange time and truck to pick up goods as required by party A.

- Bảo đảm tính công bằng và trung thực trong quá trình thực hiện hợp đồng. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu có hành vi gian lận.

Ensure fairness and fairness during the implementation of the contract. Comply with all applicable laws and regulations.

Điều 4: Cam kết chung

Article 4: General term:

- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

The contract is made in two copies, 01 copy for each party with the same value.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký 01/10/2024 đến hết ngày 30/09/2025.

This contract has valid from 01/10/2024 to 30/09/2025

Đại diện Bên A

LEE SANG ROK

Đại diện Bên B

PHẠM THỊ HƯƠNG

PHẦN 1

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ, MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA, MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TY

(TL:1/1200)

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
PURPOSE OF ISSUE

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	<input type="checkbox"/>
TK CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH:	NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ: KEN NHON TRACH 1, XÃ PHƯỚC THIÊN
HUYỆN NHON TRACH, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH: HYUN

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

DV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:

TP CÔNG TY TNHH TMDV
TVMT THẮNG PHÁT
ĐỊA CHỈ: SỐ 28, TỐ 12, KP 4B, P. TRẢNG DÀI
TP. BÌNH HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

NGUYỄN VĂN LỢI

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THẮNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN THẮNG

SỐ HIỆU DẠ/ JOB NO:

2612/2024/TP-TY

NGÀY / DATE:

2024

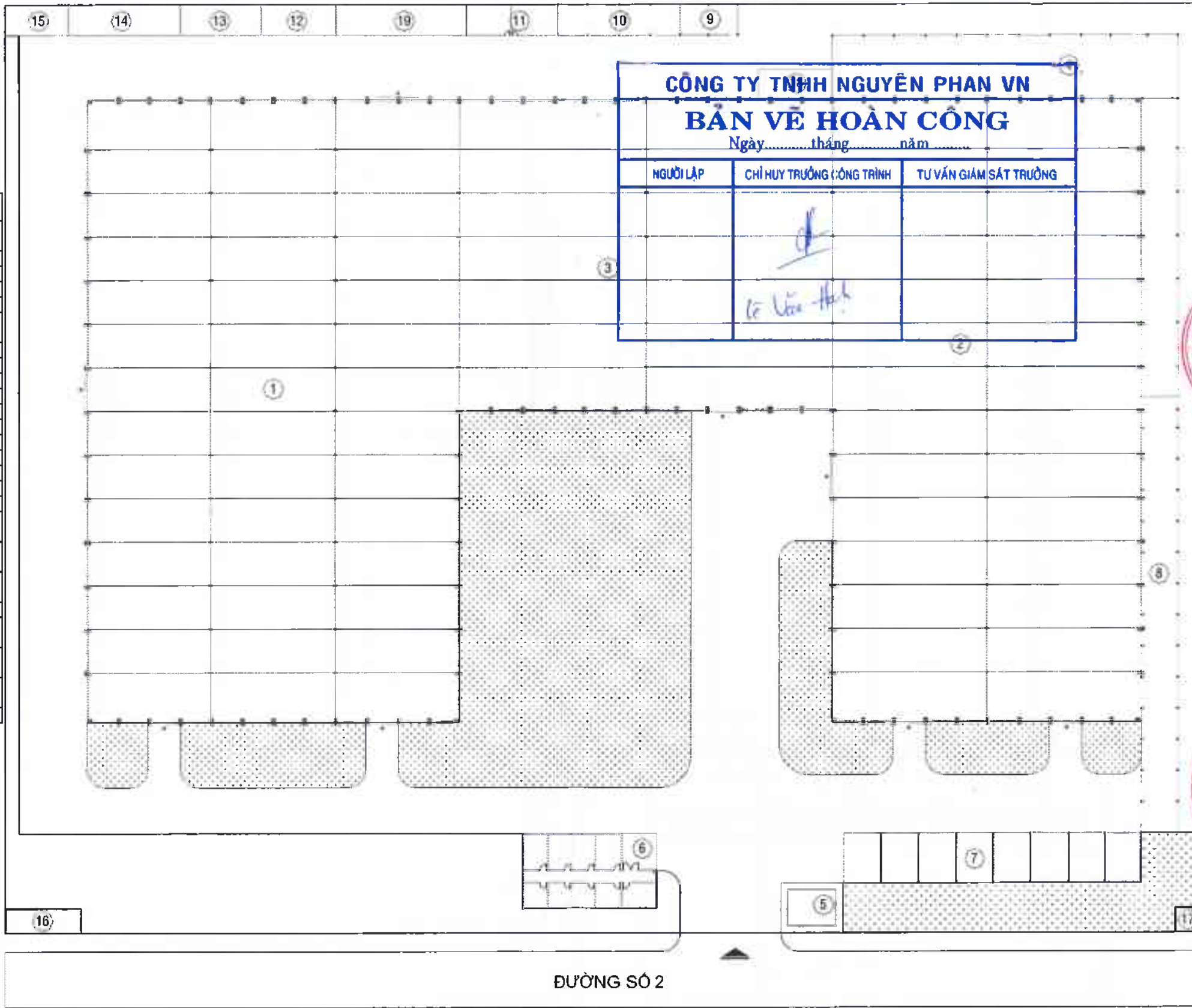
TL / SCALE:

BẢN VẼ

BV SỐ/ DWG NO:

01/03

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	14.865,17	51,71
1	Nhà xưởng chính	6000	20,87
2	Nhà xưởng/ kho 2	5.000	17,39
3	Nhà xưởng/ kho 3	3000	10,44
4	Nhà xưởng/ kho 4	865,17	3,01
II	Hạng mục công trình phụ trợ	1.509,40	5,25
5	Nhà bao vệ	46	0,16
6	Nhà văn phòng	260,4	0,91
7	Nhà ăn	384	1,34
8	Nhà để xe	420	1,46
9	Nhà vệ sinh	72	0,25
10	Xưởng cơ khí	60	0,21
11	Nhà đặt máy nén khí	65	0,23
12	Bể nước PCCC	90	0,31
13	Nhà kho	50	0,17
14	Trạm điện 1	48	0,17
15	Trạm điện 2	14	0,05
III	Hạng mục công trình môi trường	205	0,71
16	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	820,3m	-
17	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	321,5m	-
18	HTXL nước thải	105	-
19	Khu lưu giữ chất thải rắn	100	0,35
IV	Diện tích cây xanh, đất trống	5.749,60	20,00
V	Diện tích sân đường nội bộ	6.418,83	22,33
	Tổng	28.748,00	100,00







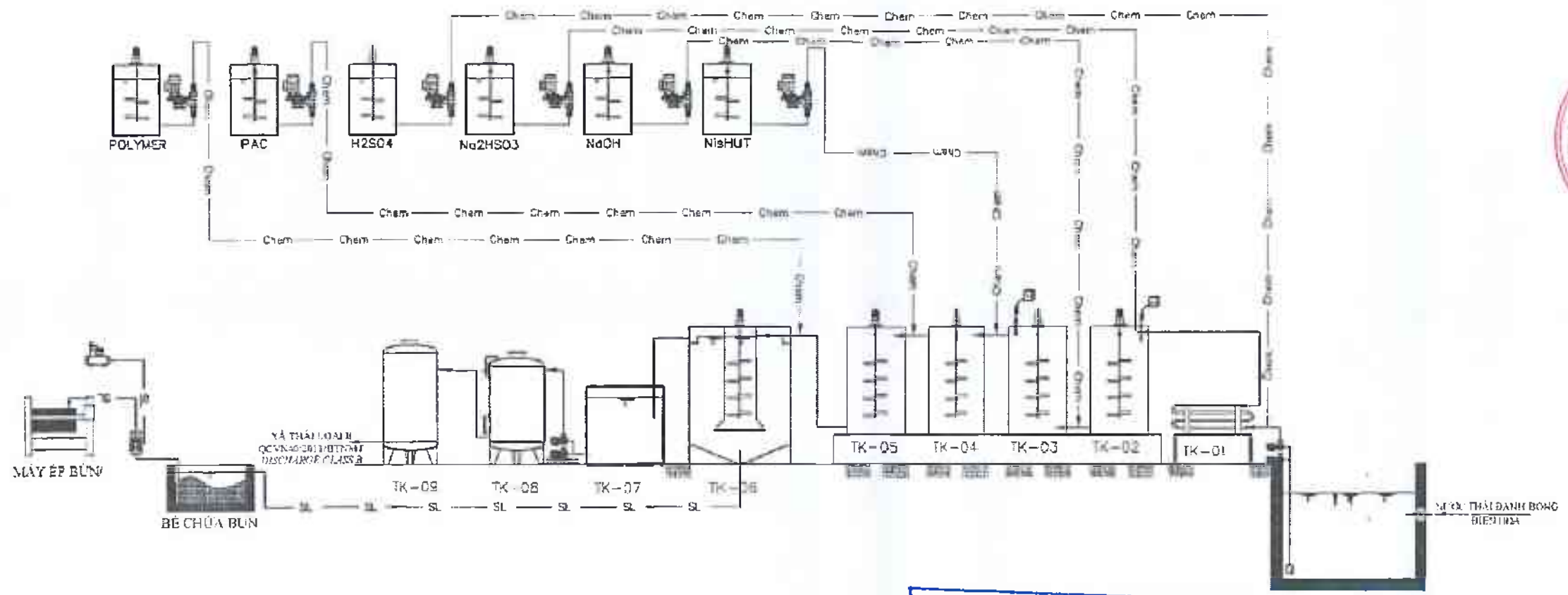
ĐƯỜNG SỐ 2

BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS 30 M3/ NGÀY.ĐÊM

TL: 1/50

- ww — ĐƯỜNG NƯỚC THẢI/WASTE WATER LINE
- SL — ĐƯỜNG BÙN/SLUDGE LINE
- Chem — ĐƯỜNG HÓA CHẤT/CHEMICAL LINE
-  BƠM TRỤC NGANG/CENTRIFUGAL PUMP
-  BƠM ĐỊNH LƯỢNG/DOSING PUMP
-  MOTOR KHUẤY/MIGITATOR
-  BƠM BÙN/SLUDGE PUMP




- TK-01: THIẾT BỊ TRỘN TÍNH
- TK-02: THIẾT BỊ PHẢN ỨNG CHUYỂN HÓA TRI KIM LOẠI
- TK-03: THIẾT BỊ PHẢN ỨNG ĐIỀU CHỈNH pH
- TK-04: THIẾT BỊ PHẢN ỨNG KHỬ KIM LOẠI
- TK-05: THIẾT BỊ PHẢN ỨNG KEO TỤ

- TK-06: THIẾT BỊ PHẢN ỨNG TẠO BÔNG KẾT HỢP
- TK-07: BỂ CHỨA TRUNG GIẠN
- TK-08: THIẾT BỊ LỌC BỤI PHỤ
- TK-09: THIẾT BỊ TRAO ĐỔI ION

CÔNG TY TNHH NGUYỄN PHAN VN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm

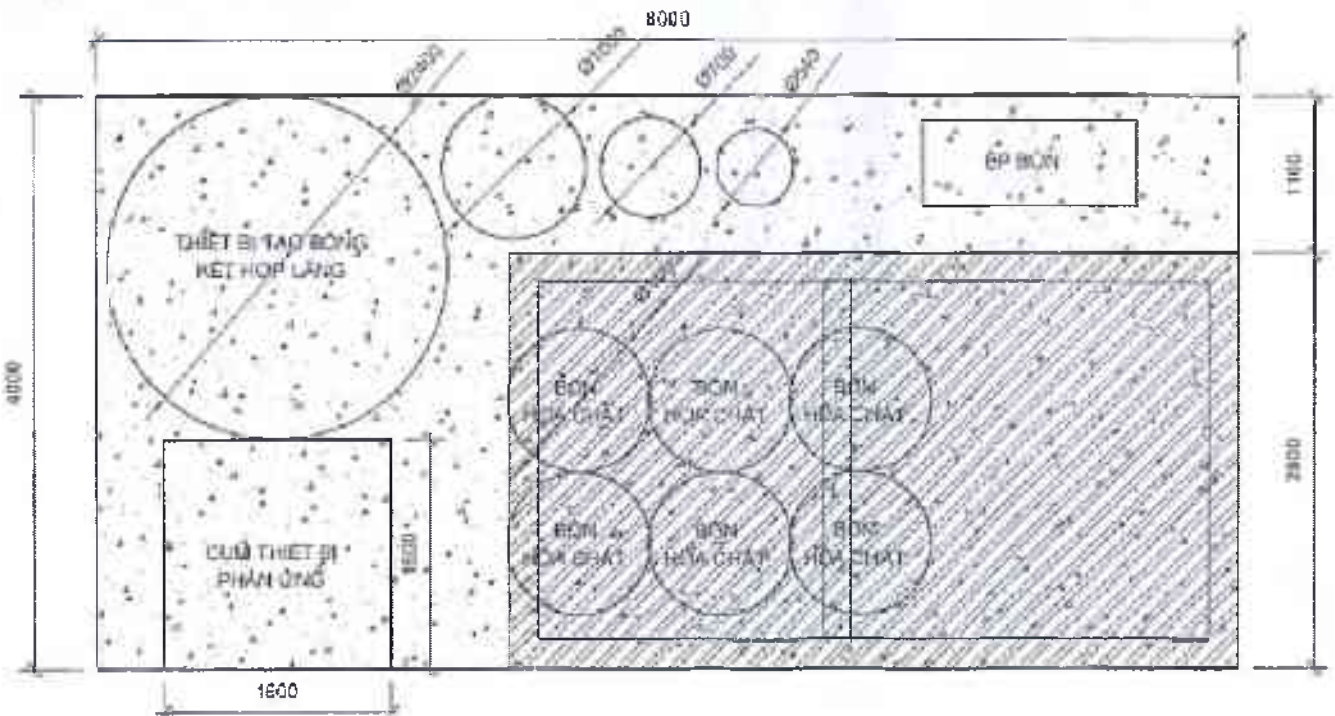
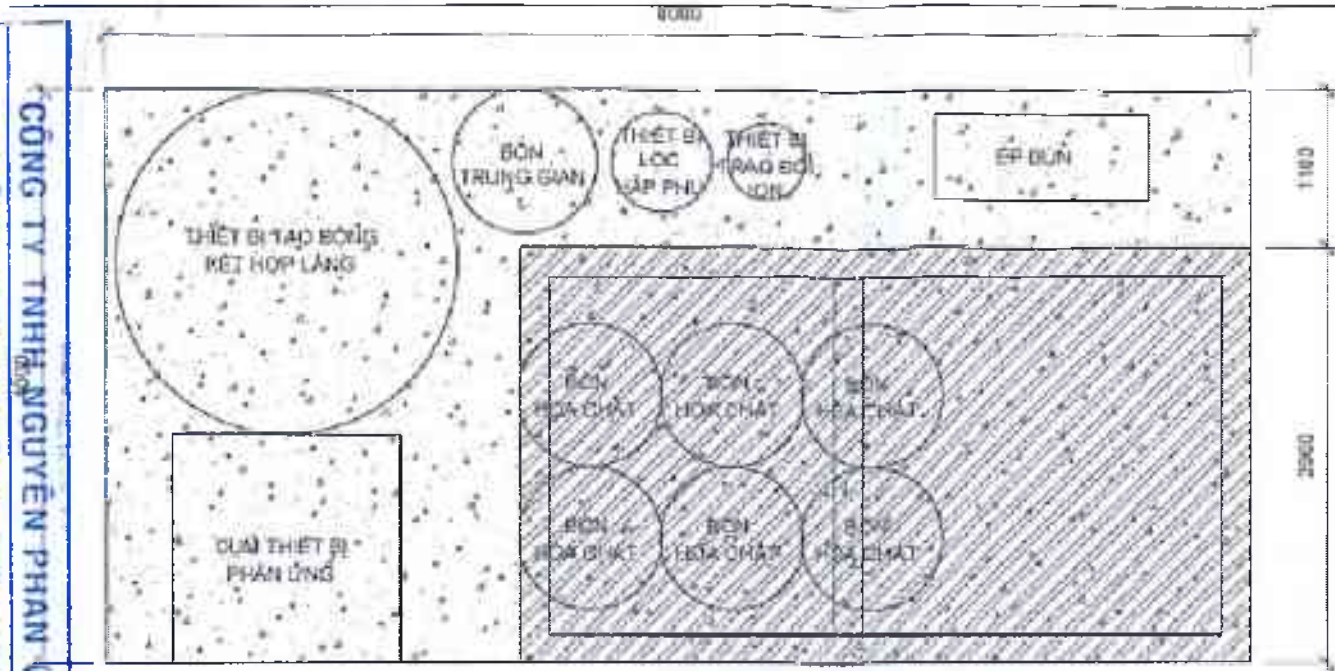
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
	 Nguyễn Văn Thắng	

GHỊ CHÚ / GENERAL NOTES:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE	
BÁO CÁO NGHIỆM CỬU KHẢ THI	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	<input type="checkbox"/>
TK CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH:	NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:	
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM ĐỊA CHỈ: KCN NHƠN TRẠCH 1, XÃ PHƯỚC THIÊN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:	
 KIM TAE HYUN	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM	
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:	
HTXL NƯỚC THẢI CÔNG ĐOẠN ĐÁNH BÓNG ĐIỆN HOÁ CS 30 M3.NGÀY.ĐÊM	
ĐV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:	
 CÔNG TY TNHH TMDV TVMT THẮNG PHÁT ĐỊA CHỈ: SỐ 28, TỐ 12, KP 4B, P. TRẢNG DẠI TP. BẾN LÚC, TỈNH ĐỒNG NAI TĐT: 091859775 Email: thongphat@tp.vn Website: www.thongphat.vn	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:	
 NGUYỄN VĂN LỢI	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
NGUYỄN VĂN THẮNG	
THIẾT KẾ	
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	
KIỂM TRA	
NGUYỄN VĂN THẮNG	
SỐ HIỆU DẠ/JOB NO:	TL / SCALE:
2612/2024/TP-TY	BẢN VẼ
NGÀY / DATE:	BV SỐ/ DWG NO:
2024	01/03

BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

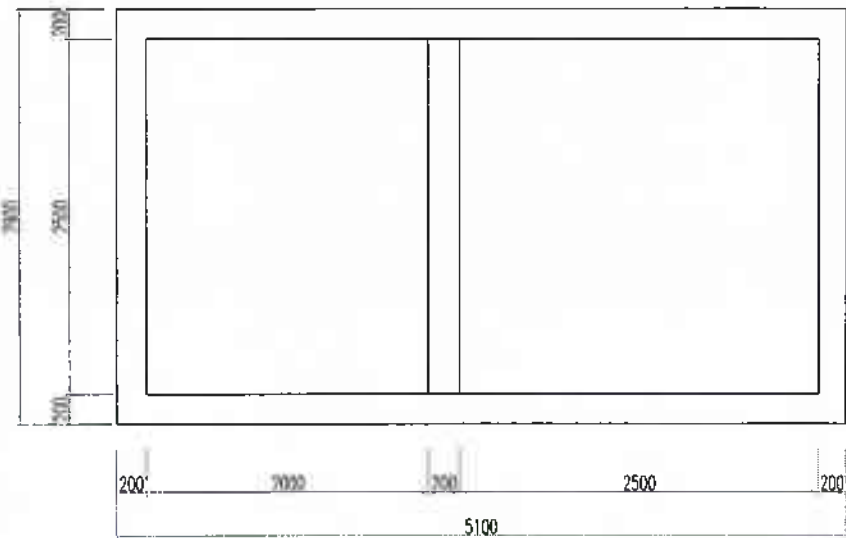
Tỉ: 1/50

CÔNG TY TNHH NGUYỄN PHAN VŨN	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày: tháng năm	
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH
 Vu Thi	 Tu Van
	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

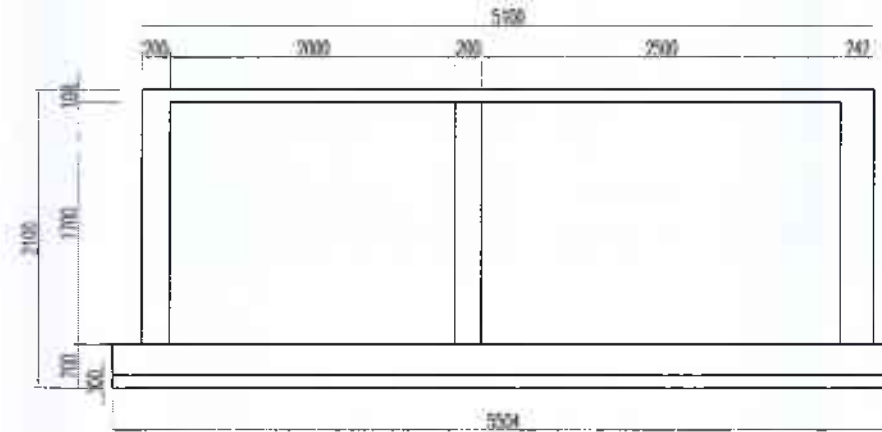


GHI CHÚ / GENERAL NOTES:	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / PURPOSE OF ISSUE	
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	<input type="checkbox"/>
TK CÀI TẠO, ĐIỀU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH:	NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:
CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:	
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM ĐIA CHỈ: KINH NHƠN TRẠCH 1, XÃ PHƯỚC THIÊN HUYỆN BẾN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:	
ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM TRẠCH	
 KIM TAE HYUN	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM	
TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:	
HTXL NƯỚC THẢI CÔNG ĐOẠN ĐÁNH BÓNG ĐIỆN HOÁ CS 30 M3. NGÀY ĐÊM	
ĐV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:	
 CÔNG TY TNHH TMDV TVMT THẮNG PHÁT ĐIA CHỈ: SỐ 28, TỐ 12, KP 4B, P. TRẢNG DẠI TỈNH ĐỒNG NAI Email: thangphat@tvtm.com Website: www.tvtm.com.vn	
GIÁM ĐỐC X / DIRECTOR:	
ĐỒNG NAI CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM TRẠCH	
 NGUYỄN VĂN LỢI	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
NGUYỄN VĂN THẮNG	
THIẾT KẾ	
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	
KIỂM TRA	
NGUYỄN VĂN THẮNG	
SỐ HIỆU DẠ/ JOB NO:	TLT/SCALE:
2612/2024/TP-TY	BẢN VẼ
NGÀY / DATE:	BV SỐ/ DWG NO:
2024	02/03

MẶT BẰNG BỂ CHỨA
(TL: 1/50)



MẶT CẮT BỂ CHỨA
(TL: 1/50)



CÔNG TY TNHH NGUYỄN PHAN VN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
	 Lê Văn Hào	

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
PURPOSE OF ISSUE

BÁO CÁO NGHIỆM CỨU KHẢ THI

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TK CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH: NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: KCN NHƠN TRẠCH 1, XÃ PHƯỚC THIÊN
HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
CÔNG TY TNHH TAEYANG VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:

HTXL NƯỚC THẢI CÔNG
ĐOẠN ĐÁNH BÓNG ĐIỆN
HOÁ CS 30 M3. NGÀY ĐÊM

ĐV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH TMDV
TVMT THẮNG PHÁT

ĐỊA CHỈ: SỐ 28, TÓ 12, KP 4B, P. TRẢNG DẠI
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Tel: 0911 111 728
Email: thangphat@tp.com.vn
Website: www.thangphat.vn

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

CHỦ TRỢ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THẮNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN THẮNG

SỐ HIỆU DẠ/JOB NO: TL / SCALE:

2612/2024/TP-TY BẢN VẼ

NGÀY / DATE: BV SỐ/ DWG NO:

2024 03/03